



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 18

Ngày 18/10/2023



TÀI LIỆU THAM KHẢO - PHỤC VỤ ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp
tham khảo, điều hành**

| <i>Trong số này</i> | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý | 1 |
| Kinh tế thế giới | 1 |
| Kinh tế trong nước | 2 |
| Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật | 3 |
| THÔNG TIN NÔNG SẢN | 4 |
| Tổng quan thị trường đường: Giá đang trở về giá trị thực | 4 |
| Tình hình xuất, nhập khẩu nông lâm thủy sản 9 tháng năm 2023 | 5 |
| THÔNG TIN THỦY SẢN | 9 |
| Tình hình cung cầu mặt hàng tôm và dự báo | 9 |
| THÔNG TIN CHĂN NUÔI | 12 |
| Giá heo hơi trên đà giảm mạnh | 12 |
| THÔNG TIN LÚA GẠO | 16 |
| Tổng quan thị trường lúa gạo | 16 |
| THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP | 18 |
| Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo | 18 |
| THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI | 21 |
| Thông tin cần biết để xúc tiến xuất khẩu mặt hàng gia vị và hương liệu sang thị trường châu Âu | 21 |
| THÔNG TIN GIAO THƯƠNG | 23 |
| THÔNG TIN CẢNH GIÁC | 26 |
| Thách thức lớn đối với ngành cá tra đến từ vấn đề môi trường | 26 |
| THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM | 27 |
| Thực phẩm đường phố: Những lưu ý về an toàn sức khỏe | 27 |
| GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG | 28 |
| Giá cả trong tỉnh | 28 |

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

KINH TẾ THẾ GIỚI

* Kinh tế thế giới có thể tránh được nguy cơ suy thoái

Giám đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) Kristalina Georgieva nhận định nhu cầu dịch vụ ngày càng lớn và những tiến triển trong kiểm chế lạm phát đang giúp nền kinh tế toàn cầu thêm cơ hội thoát khỏi suy thoái, song cảnh báo vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro tài chính.

Những nhận định trên của người đứng đầu IMF được đưa ra chỉ vài ngày trước khi các bộ trưởng tài chính và thống đốc ngân hàng trung ương của 190 quốc gia tham dự cuộc họp kéo dài 1 tuần (9-15/10) tại Marrakech của Maroc để thảo luận những rủi ro mà nền kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt.

Bà Georgieva nhấn mạnh rằng các cú sốc liên tiếp kể từ năm 2020 đã khiến sản lượng toàn cầu sụt giảm 3.700 tỷ USD; mức tăng trưởng hiện nay vẫn thấp hơn nhiều so với các giai đoạn trước đại dịch COVID-19 và triển vọng tăng trưởng trung hạn yếu hơn.

Bên cạnh đó, lạm phát dai dẳng đồng nghĩa với việc phải duy trì lãi suất ở mức cao hơn trong thời gian dài hơn và sự phân mảnh kinh tế có nguy cơ gây tác động nặng nề nhất đến các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển.

Giám đốc IMF cho biết thêm rằng báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới mới của thể chế tài chính này, dự kiến được công bố ngày 10/10, sẽ phản ánh sự phục hồi chậm và không đồng đều với nhiều điểm khác biệt rõ rệt trong các xu hướng trên toàn cầu. Mặc dù vậy, nền kinh tế thế giới đã cho thấy khả năng phục hồi đáng chú ý, đồng nghĩa nền kinh tế có thể phục hồi chậm nhưng tránh được nguy cơ suy thoái.

Dù vậy, Giám đốc IMF Georgieva vẫn khuyến nghị cần hết sức thận trọng. Bà nêu rõ đà tăng trưởng hiện nay khá yếu, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 3,8% trước đại dịch COVID-19 và lạm phát vẫn có thể cao hơn mức mục tiêu tại một số quốc gia cho đến năm 2025.

Nhấn mạnh "chống lạm phát là ưu tiên số 1," Giám đốc IMF lưu ý rằng giá cả hàng hóa tăng làm giảm sức mua của người tiêu dùng và làm giảm lòng tin của các nhà đầu tư, đồng thời tác động đến những người nghèo nhất trong xã hội khó khăn nhất.

Để kiểm soát lạm phát đòi hỏi phải duy trì lãi suất ở mức cao trong thời gian dài hơn và một điều vô cùng quan trọng là phải tránh nới lỏng chính sách quá sớm để ngăn nguy cơ lạm phát "nóng" trở lại.

Theo bà Georgieva, những kỳ vọng về khả năng "hạ cánh mềm" của nền kinh tế thế giới đã giúp làm tăng giá của nhiều loại tài sản khác nhau, song nếu lạm phát tăng mạnh trở lại sẽ có thể dẫn đến động thái siết chặt các điều kiện tài chính.

Giám đốc IMF cũng cho biết thêm các ngân hàng đang phải đối mặt nhiều áp lực và kêu gọi thực hiện các bước đi khẩn cấp nhằm tăng cường sự an toàn cho mạng lưới tài chính toàn cầu.

Phía IMF, đã hỗ trợ khoảng 320 tỷ USD cho 96 quốc gia kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát đến nay, cũng cần tăng cường năng lực cho vay.

Chính vì vậy, bà hối thúc các nước thành viên hành động, nâng hạn ngạch đóng góp tài chính trong IMF.

Ngoài ra, bà cũng kêu gọi các quốc gia thành viên có tiềm lực hơn tăng cường đóng góp vào Quỹ Tín thác Tăng trưởng và Giảm nghèo - quỹ được sử dụng để hỗ trợ các nền kinh tế thành viên nghèo nhất, cũng như vào Quỹ Tín thác Khả năng phục hồi và bền vững mới trị giá 40 tỷ USD - quỹ tài trợ dài hạn cho các cải cách khí hậu.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

KINH TẾ TRONG NƯỚC*** Xem xét tiếp tục giảm thuế trong năm 2024**

Sáng 11/10, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, Trưởng Ban chỉ đạo chủ trì cuộc họp Ban chỉ đạo điều hành giá của Chính phủ triển khai nhiệm vụ từ nay đến cuối năm.

Tại cuộc họp, Bộ Tài chính cho biết, trong 9 tháng năm 2023, giá cả thị trường trong nước cơ bản ổn định, lạm phát đang được kiểm soát và theo xu hướng giảm dần.

Riêng mặt hàng thóc gạo giá tăng do ảnh hưởng của thị trường xuất khẩu. Giá thịt heo tăng, giảm đan xen theo nguồn cung và nhu cầu từng giai đoạn. Giá một số mặt hàng nhóm nhiên liệu năng lượng như xăng dầu, khí hóa lỏng có diễn biến tăng, giảm đan xen do tác động của giá thế giới.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9.2023 tăng 3,66% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2023, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,49%.

Ngay từ cuối năm 2022, Bộ Tài chính đã khẩn trương nghiên cứu, đề xuất với các cấp có thẩm quyền và ban hành theo thẩm quyền các giải pháp về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất áp dụng cho năm 2023 với tổng giá trị hỗ trợ dự kiến khoảng 196.000 tỉ đồng.

Đáng chú ý, Bộ đã trình Chính phủ trình Quốc hội giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 1/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023 đối với hầu hết các mặt hàng đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%. Dự kiến thực hiện giải pháp này, số tiền thuế được giảm khoảng 24.000 tỉ đồng.

Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn có hiệu lực từ ngày 1/1/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Dự kiến thực hiện Nghị quyết này sẽ giảm thu ngân sách nhà nước khoảng 38.000 tỉ đồng.

Ngoài ra, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 đối với doanh nghiệp, tổ chức và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (dự kiến số tiền thuế, tiền thuê đất được xem xét gia hạn là hơn 110 nghìn tỉ đồng).

Tiếp đó, Nghị định về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6, 7, 8, 9/2023 đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước (dự kiến thực hiện giải pháp này sẽ gia hạn khoảng 10.400 tỉ - 11.200 tỉ đồng). Giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước (dự kiến sẽ giảm thu ngân sách nhà nước khoảng 8.000 - 9.000 tỉ đồng)...

Thời gian tới, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục theo dõi sát tình hình thực tế để nghiên cứu, đề xuất các giải pháp áp dụng cho năm 2024.

Theo đó, tiếp tục xem xét việc giảm mức thuế bảo vệ môi trường, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng như đã áp dụng của năm 2023; tiếp tục rà soát giảm mức thuế suất thuế xuất khẩu, nhập khẩu để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trong nước; giảm mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm khuyến khích việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến...

Về điều hành chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng và các chính sách khác.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái cho biết, tình hình kiểm soát chỉ số giá 9 tháng rất tốt, CPI bình quân 9 tháng tăng 3,16%, còn rất nhiều dư địa.

Theo đó, cuối tháng 9, đầu tháng 10, tình hình giá xăng dầu, năng lượng có xu hướng tăng, giá cả lương thực... có tác động trực tiếp đến CPI. Nhờ thực hiện chính sách tài khóa mạnh, có các giải pháp giảm thuế, gia hạn thuế..., chúng ta đã kiểm soát được. Trong dư địa còn lại, cùng với những giải pháp điều hành phù hợp, sẽ tạo dư địa cho năm 2024.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHỔ BIẾN ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT*** Chiết xuất thực vật giúp ngăn chặn AHPND trên tôm**

Nhiều giải pháp giúp người nuôi tôm ứng phó với dịch bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND), trong đó, chiết xuất thực vật là công cụ an toàn và hiệu quả để ngăn chặn AHPND thông qua củng cố hàng rào bảo vệ tự nhiên.

Trong số các thành phần bền vững, chiết xuất thực vật có nhiều tiềm năng hạn chế lây nhiễm *Vibrio* trong nuôi trồng thủy sản. Một số chiết xuất thực vật, đặc biệt một số loại cây gia vị có mùi hăng cũng mang hoạt tính sinh học tích cực bằng cách củng cố hàng rào đường ruột hoặc kích thích đáp ứng miễn dịch.

Do đó, kết hợp chiết xuất thực vật để phát huy hiệu lực tiềm năng của chúng có thể góp phần cải thiện đáng kể hàng rào miễn dịch tự nhiên của tôm. Hãng Laboratoire Phode của Pháp, nơi hội tụ các chuyên gia trong lĩnh vực chiết xuất thực vật và tinh dầu, đã tạo ra sản phẩm Olpheel Protect, một hỗn hợp chiết xuất thực vật tổng hợp để hạn chế tác động của các mầm bệnh tấn công ao tôm và củng cố hàng rào tự nhiên bảo vệ cơ thể tôm.

Các thử nghiệm đã chứng minh hiệu quả tích cực của Olpheel Protect đối với tôm nhiễm bệnh AHPND. Hoạt tính kháng khuẩn của phụ gia này đã được chứng minh trong thí nghiệm in vitro, cùng đó là hoạt tính kích thích miễn dịch. Cả hai hoạt tính này góp phần cải thiện đáng kể tỷ lệ sống và sức khỏe gan tụy của tôm.

*** Nghiên cứu sử dụng cộng đồng vi khuẩn để cải thiện sức khỏe tôm nuôi**

Quỹ Khoa học Quốc gia Mỹ đã trao một khoản tài trợ cho phép các nhà khoa học tạo ra các hệ vi sinh vật tổng hợp - cộng đồng vi sinh vật giúp bảo vệ tôm nuôi khỏi mầm bệnh vi khuẩn.

Khoản tài trợ này đã được trao cho Tiến sĩ Salvador Almagro-Moreno của Đại học Trung tâm Florida và Tiến sĩ Otto Cordero của MIT, nhóm của họ đã phát hiện ra rằng vi khuẩn được tổ chức trong “các mô-đun sinh thái” có thể được trộn lẫn và kết hợp để xây dựng hệ vi sinh vật nhằm chống lại mầm bệnh tốt hơn. Họ đang làm việc với các trang trại nuôi tôm ở Ecuador để xây dựng các cộng đồng vi sinh vật mới cho nuôi trồng thủy sản nhằm cải thiện sức khỏe của tôm.

Bất kỳ bệnh nào cũng có thể lây lan nhanh chóng và rất khó để phân biệt tôm nhiễm bệnh với tôm không nhiễm bệnh. Tác động của vi sinh vật đối với sức khỏe động vật và khả năng kháng bệnh là những lĩnh vực có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng sản xuất thực phẩm.

Sử dụng một loài tôm ngâm nước mặn tên là *Artemia salina*, nhóm nghiên cứu sẽ kiểm tra xem các cộng đồng vi sinh vật tổng hợp khác nhau làm tăng sức đề kháng của tôm như thế nào đối với *Vibrio parahaemolyticus*, một loại vi khuẩn gây bệnh lây lan trong nước. Tiến sĩ Almagro-Moreno so sánh quá trình này với việc sử dụng men vi sinh để cải thiện sức khỏe đường ruột.

Nhóm nghiên cứu hy vọng sẽ giúp nông dân tìm hiểu cách thức và lý do tại sao vi khuẩn lây nhiễm vào các trang trại nuôi trồng thủy sản và cách tốt nhất để ngăn chặn vi khuẩn này.

UCF đã nhận được gần 500.000 USD từ NSF cho công việc của mình trong dự án. Khoản tài trợ này cũng sẽ tài trợ cho một chương trình cầu nối giữa UCF-MIT và Trung tâm Quốc gia về Nuôi trồng Thủy sản và Nghiên cứu Biển ở Ecuador. Sự hợp tác đó sẽ cho phép các nhà khoa học Mỹ đến Ecuador để chia sẻ ý tưởng, triển khai các hệ thống mới và đưa các nhà nghiên cứu Ecuador đến Mỹ để tìm hiểu các kỹ thuật và phương pháp tiếp cận mới của nhóm.

Mục tiêu cuối cùng của nghiên cứu là chuyển những kỹ thuật này sang sản xuất nuôi trồng thủy sản của chính Mỹ, chẳng hạn như trang trại nuôi hàu, thậm chí hướng đến điều trị và ngăn ngừa nhiễm trùng ở người.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN NÔNG SẢN

* Tổng quan thị trường đường: Giá đang trở về giá trị thực

Trong suốt nhiều năm giá đường của Việt Nam và trên thế giới giao dịch ở mức thấp, dưới giá thành sản xuất. Đến năm 2023, giá đang trở về giá trị thực. Dù tăng khá mạnh thời gian qua, giá mới chỉ cao hơn chi phí sản xuất một chút.

Đà tăng mạnh trong năm 2023

Giá đường thế giới và Việt Nam đang trong đà tăng khi thế giới lo ngại thời tiết xấu sẽ ảnh hưởng tới sản lượng.

Theo ông Nguyễn Văn Lộc, Chủ tịch Hiệp hội Mía đường Việt Nam, mặc dù giá đường năm 2023 tăng mạnh nhưng mặt hàng mới chỉ nằm bên trên giá thành sản xuất một chút.

“Trong suốt nhiều năm giá đường của Việt Nam và trên thế giới giao dịch ở mức thấp, dưới giá thành sản xuất. Đến năm 2023, giá đang trở về giá trị thực. Dù tăng mạnh thời gian qua, giá mới chỉ cao hơn chi phí sản xuất một chút”, ông Lộc nói.

Tính đến ngày 11/10, giá đường thô thế giới đạt mức 26,6 US Cent/pound, gần chạm đỉnh 12 năm do lo ngại nguồn cung bị thiếu hụt. Mức giá này cao hơn 44% so với cùng kỳ năm trước.

Theo Tradingeconomics, dự báo lượng mưa tăng ở các khu vực trồng mía của Brazil dấy lên mối lo ngại hoạt động nghiền mía bị chậm lại. Điều này giảm bớt kỳ vọng về nguồn cung mạnh từ nhà sản xuất và xuất khẩu hàng đầu thế giới. Ngoài ra, giá ethanol từ mía đã tăng trở lại, khiến các nhà sản xuất mía chuyển sang làm ethanol thay vì đường thô, khiến giảm nguồn cung đường.

Theo ước tính của một nhóm nghiên cứu tháng trước, sản lượng từ Thái Lan có thể giảm gần 1/5 trong vụ thu hoạch sắp tới do hạn hán nghiêm trọng. Sự khởi đầu của El Niño trong năm nay đã dẫn đến điều kiện khô hạn hơn và lượng mưa thấp hơn ở nhiều nơi ở châu Á.

Tại Ấn Độ, lượng mưa không đủ ảnh hưởng lớn đến vụ trồng mía tiếp theo. Hạn hán đang diễn ra làm tăng thêm mối lo ngại rằng El Niño sẽ kéo dài thời kỳ khô hạn, khiến năng suất mía giảm đáng kể. Tình trạng này có khả năng khiến chính phủ Ấn Độ hạn chế xuất khẩu đường cho mùa vụ sắp tới nhằm kiểm chế lạm phát lương thực.

Theo ông Lộc việc Ấn Độ có thể hạn chế xuất khẩu đường sẽ không ảnh hưởng đến Việt Nam vì không nhập khẩu nhiều từ nước này. Tuy nhiên, điều này cũng sẽ đóng góp vào đợt tăng giá trên thế giới trong thời gian tới.

Mặc dù vậy, ông cho rằng đây không phải là động lực chính, giá đường sẽ chủ yếu chịu tác động vào diễn biến giá dầu và tỷ giá đồng Real của Brazil so với đồng USD.

Brazil là nước xuất khẩu đường lớn nhất thế giới với 28,2 triệu tấn trong niên vụ 2022 - 2023, chiếm tỷ trọng 42% trên toàn cầu.

Khi giá xăng dầu tăng, nước này có xu hướng ưu tiên dùng mía để sản xuất ethanol thay vì đường. Do vậy, biến động giá dầu thường ảnh hưởng đến giá đường.

Giá đường tinh luyện của Việt Nam trong tháng 9 tăng 16% so với đầu năm nay nhờ đà tăng của thế giới, dao động trong khoảng 22.000 - 23.000 đồng/kg.

So với giá đường của một số nước khối ATIGA và Trung Quốc, giá đường của Việt Nam đã tăng nhưng vẫn ở mức thấp. Diễn hình như giá đường ở Philippines quy đổi ra VND ở mức 35.000 đồng/kg.

Giá đường chưa phản ánh cung - cầu hiện tại

“Giá đường tăng thời gian qua không phản ánh cung - cầu đường hiện tại bởi thị trường vẫn đang dư cung, xu hướng người tiêu dùng giảm tiêu thụ đường vì lý do sức khỏe. Ngoài ra, giá trên

sản là kỳ hạn. Điều này chứng tỏ thị trường cho rằng nguồn cung toàn cầu có thể thiếu hụt vào năm tới”, ông Lộc cho biết.

Tại Việt Nam, theo số liệu của Hiệp hội Mía đường, ước tính năm 2023, thị trường đường vẫn dư cung hơn 417.000 tấn.

“Hiện lượng bán hàng giao ngay của Việt Nam rất ít. Không doanh nghiệp nào bỏ tiền ra mua đường ở thời điểm giá cả biến động này. Các doanh nghiệp chủ yếu giao hàng của các hợp đồng đã ký trước đó. Đơn hàng trong quý III vẫn ít do ảnh hưởng bởi kinh tế khó khăn. Một số khách hàng lớn chuyển sang dùng đường lỏng sirô bắp”, ông Lộc cho biết.

Ông cho rằng việc dự báo giá đường trong thời gian tới sẽ khá phức tạp do có nhiều biến số, đặc biệt là giá dầu thô. Những biến động trong chính sách nguồn cung giữa Nga và OPEC sẽ ảnh hưởng đến giá dầu, kéo theo giá đường cũng ảnh hưởng.

“Giá đường từ đầu năm đến nay tăng mạnh. Việc giá có duy trì được đà tăng này trong thời gian tới hay không là điều khó đoán. Theo góc nhìn của những người sản xuất đường lâu năm, tôi cho rằng giá tăng càng cao thì xuồng càng mạnh. Giá cao thì người dân nhiều vùng bắt đầu đổ xô trồng mía, áp lực nguồn cung tăng lên. Đây mới là điều đáng ngại”, ông Lộc nói.

Hồi cuối tháng 8, Hiệp hội Mía đường Việt Nam khuyến cáo các hội viên sản xuất tham gia bình ổn thị trường bằng cách đưa đường ra thị trường theo yêu cầu sử dụng.

Đồng thời hiệp hội kêu gọi doanh nghiệp giữ giá bán đường nay là mức giá hợp lý đảm bảo được mục tiêu hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, không để giá đường tăng thêm nữa nhằm hài hoà lợi ích các bên.

* Tình hình xuất, nhập khẩu nông lâm thủy sản 9 tháng năm 2023

Theo Báo cáo của Trung tâm chuyển đổi số và thống kê nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tình hình xuất, nhập khẩu và cán cân thương mại nông lâm thủy sản 9 tháng năm 2023 như sau:

Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản trong tháng 9 ước đạt xấp xỉ 4,8 tỷ USD, tăng 22% so với tháng 9 năm 2022; đưa tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 đạt 38,48 tỷ USD, song do các tháng đầu năm xuất khẩu giảm sâu nên tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 9 tháng vẫn giảm 5,1% so với cùng kỳ 9 tháng năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản đạt 19,54 tỷ USD, tăng 16,7%; giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi đạt 369 triệu USD, tăng 26,4%; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 6,64 tỷ USD, giảm 21,7%; giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản đạt 10,44 tỷ USD, giảm 20,6%; giá trị xuất khẩu đầu vào sản xuất đạt 1,49 tỷ USD, giảm 20,2%; giá trị xuất khẩu muối đạt 4,1 triệu USD, tăng 7%.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, châu Á (với thị phần 48,6%), châu Mỹ (thị phần 22,7%), và châu Âu (thị phần 10,8%), là các khu vực tiêu thụ nông lâm thủy sản lớn nhất của Việt Nam; các khu vực còn lại có thị phần tương đối nhỏ, gồm châu Phi (2,1%) và châu Đại Dương (1,5%). Ước tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 của Việt Nam tới khu vực châu Á đạt 18,71 tỷ USD, tăng 4,9%; châu Mỹ đạt 8,73 tỷ USD, giảm 22,5%; châu Âu đạt 4,17 tỷ USD, giảm 11,2%; châu Phi đạt 809 triệu USD, tăng 18,8%; và châu Đại Dương đạt 570 triệu USD, giảm 18,6%.

Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản là 3 thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2023. Giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chiếm tỷ trọng 22,1%, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2022; xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng 20,7%, giảm 22,6%; và xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản chiếm tỷ trọng 7,6%, giảm 7,7%.

Xuất khẩu một số mặt hàng chính như sau:

- Cà phê:

Xuất khẩu cà phê tháng 9 năm 2023 ước đạt 65 nghìn tấn với giá trị đạt 205 triệu USD, đưa tổng trọng lượng và giá trị xuất khẩu cà phê trong 9 tháng năm 2023 đạt 1,27 triệu tấn và 3,16 tỷ USD, giảm 7,3% về khối lượng nhưng tăng 1,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Cao su:

Xuất khẩu cao su trong tháng 9 ước đạt 210 nghìn tấn với giá trị đạt 270 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1,42 triệu tấn và 1,89 tỷ USD, tăng 1,6% về khối lượng nhưng giảm 17,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Chè (Trà):

Khối lượng xuất khẩu trà trong tháng 9 ước đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 20 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu trà 9 tháng đầu năm 2023 đạt 83 nghìn tấn và 142 triệu USD, giảm 13,2% về khối lượng và giảm 15,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Gạo:

Khối lượng gạo xuất khẩu trong tháng 9 ước đạt 800 nghìn tấn với giá trị 495 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 9 tháng đầu năm 2023 đạt 6,61 triệu tấn và 3,66 tỷ USD, tăng 23,1% về khối lượng và tăng 40,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Rau quả:

Giá trị xuất khẩu rau quả trong tháng 9 ước đạt 650 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu rau quả 9 tháng đầu năm 2023 đạt gần 4,2 tỷ USD, tăng 71,8% so với cùng kỳ năm 2022.

- Hạt điều:

Khối lượng hạt điều xuất khẩu trong tháng 9 ước đạt 60 nghìn tấn với giá trị 328 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu hạt điều 9 tháng đầu năm 2023 đạt 456 nghìn tấn và 2,61 tỷ USD, tăng 19,6% về khối lượng và tăng 14,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Hạt tiêu:

Khối lượng hạt tiêu xuất khẩu trong tháng 9 ước đạt 19 nghìn tấn với giá trị 70 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu hạt tiêu 9 tháng đầu năm 2023 đạt 207 nghìn tấn và 685 triệu USD, tăng 18,7% về khối lượng nhưng giảm 11,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Sản và các sản phẩm từ sản:

Khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 9 ước đạt 260 nghìn tấn với giá trị 124 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản 9 tháng đầu năm 2023 đạt 2,13 triệu tấn và 893 triệu USD, giảm 8,5% về khối lượng và giảm 12,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Sản phẩm chăn nuôi:

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi trong tháng 9 ước đạt 45 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2023 đạt 369 triệu USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa đạt 101 triệu USD, tăng 23,6%; xuất khẩu thịt và phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật đạt 106 triệu USD, tăng 35,9%.

- Thủy sản:

Giá trị xuất khẩu thủy sản trong tháng 9 ước đạt 850 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 đạt 6,64 tỷ USD, giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2022.

- Gỗ và sản phẩm gỗ:

Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ trong tháng 9 ước đạt 1,2 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này 9 tháng đầu năm 2023 đạt 9,69 tỷ USD, giảm 21,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu nông lâm thủy sản tháng 9 năm 2023 ước đạt 3,64 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng 9 năm 2022, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu nông lâm thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 đạt 30,44 tỷ USD, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông sản đạt 18,68 tỷ USD, giảm 9,5%; giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi đạt 2,58 tỷ USD, giảm 8,4%; giá trị nhập khẩu thủy sản đạt 1,97 tỷ USD, giảm 3,7%; giá trị nhập khẩu các mặt hàng lâm sản đạt 1,72 tỷ USD, giảm 29,2%; giá trị nhập khẩu đầu vào sản xuất đạt 5,47 tỷ USD, giảm 9%; giá trị nhập khẩu muối đạt 34,8 triệu USD, tăng 13,4%.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, Việt Nam nhập khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản nhiều nhất từ các thị trường thuộc khu vực châu Á (thị phần 28,4%) và châu Mỹ (thị phần 23,2%). Các khu vực còn lại có thị phần tương đối nhỏ, gồm châu Đại Dương (chiếm 7,1%); châu Phi (chiếm 4,9%) và châu Âu (chiếm 4,2%)⁵. Ước giá trị nhập khẩu nông lâm thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 từ khu vực châu Á đạt 8,64 tỷ USD, giảm 16,9%; châu Mỹ đạt 7,08 tỷ USD, giảm 16,9%; châu Đại Dương đạt 2,18 tỷ USD, giảm 4,9%; châu Phi đạt 1,48 tỷ USD, tăng 28,8%; châu Âu đạt 1,27 tỷ USD, giảm 10,2%.

Hoa Kỳ, Trung Quốc và Braxin là 3 thị trường cung cấp các mặt hàng nông, lâm, thủy sản lớn nhất cho Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2023. Giá trị nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng 8,5% (giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2022); Trung Quốc chiếm 7,8% (giảm 16%) và Braxin chiếm 7,4% (giảm 4%).

Nhập khẩu một số mặt hàng chính như sau:

- Đậu tương:

Khối lượng nhập khẩu đậu tương trong tháng 9 ước đạt 150 nghìn tấn với giá trị ước đạt 91 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu đậu tương 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1,53 triệu tấn và 968 triệu USD, tăng 9,1% về khối lượng nhưng giảm 0,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Lúa mì:

Ước nhập khẩu lúa mì tháng 9 năm 2023 đạt 220 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 68 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu lúa mì 9 tháng đầu năm 2023 đạt 3,37 triệu tấn và 1,18 tỷ USD, tăng 3,9% về khối lượng nhưng giảm 5,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Bắp:

Khối lượng bắp nhập khẩu trong tháng 9 ước đạt 1,05 triệu tấn với giá trị đạt 290 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu bắp 9 tháng đầu năm 2023 đạt 6,4 triệu tấn và 2 tỷ USD, giảm 4% về khối lượng và giảm 15,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Hạt điều:

Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 9 ước đạt 300 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 299 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 9 tháng đầu năm 2023 đạt 2,36 triệu tấn và 2,77 tỷ USD, tăng 44,3% về khối lượng và tăng 17,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Cao su:

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 9 ước đạt 165 nghìn tấn với giá trị ước đạt 209 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1,21 triệu tấn và 1,59 tỷ USD, giảm 26% về khối lượng và giảm 34,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Rau quả:

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả trong tháng 9 đạt 195 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu hàng rau quả 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1,48 tỷ USD, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2022.

- Sản phẩm chăn nuôi:

Giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi trong tháng 9 ước đạt 298 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2023 đạt 2,58 tỷ USD, giảm 8,4% so với cùng kỳ

năm 2022. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa ước đạt 891 triệu USD, giảm 10,8%; giá trị nhập khẩu của thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật ước đạt 1,02 tỷ USD, giảm 3,6%.

- Thủy sản:

Giá trị nhập khẩu hàng thủy sản trong tháng 9 ước đạt 230 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu hàng thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1,97 tỷ USD, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2022.

- Gỗ và sản phẩm gỗ:

Giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 9 ước đạt 250 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1,67 tỷ USD, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2022.

- Phân bón các loại:

Khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 9 ước đạt 480 nghìn tấn và 153 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu phân bón các loại 9 tháng đầu năm 2023 đạt 2,96 triệu tấn và 986 triệu USD, tăng 20,7% về khối lượng nhưng giảm 14% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

- Thức ăn gia súc và nguyên liệu:

Giá trị nhập khẩu mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu trong tháng 9 ước đạt 450 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu 9 tháng đầu năm 2023 đạt 3,85 tỷ USD, giảm 6,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu:

Giá trị nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu trong tháng 9 ước đạt 90 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu 9 tháng đầu năm 2023 đạt 630 triệu USD, giảm 16,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Cán cân thương mại nông, lâm, thủy sản

Cán cân thương mại ngành nông lâm thủy sản Việt Nam 9 tháng đầu năm 2023 ước đạt thặng dư 8,04 tỷ USD, tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Xét theo nhóm hàng, lâm sản, thủy sản và nông sản là các nhóm hàng có cán cân thương mại 9 tháng đầu năm 2023 ở trạng thái thặng dư. Cụ thể, nhóm lâm sản ước đạt thặng dư 8,72 tỷ USD, giảm 18,7% so với cùng kỳ năm 2022; nhóm thủy sản thặng dư 4,68 tỷ USD, giảm 27,4%; nhóm nông sản thặng dư 864 triệu USD, tăng 122,2%. Trong khi đó, cán cân thương mại các nhóm còn lại đều ở trạng thái thâm hụt: nhóm đầu vào sản xuất thâm hụt 3,98 tỷ USD, giảm 4%; sản phẩm chăn nuôi thâm hụt 2,21 tỷ USD, giảm 12,4%; muối thâm hụt 31 triệu USD (tăng 14,3%).

Xét theo mặt hàng cụ thể, 6 mặt hàng có thặng dư thương mại ước tính 9 tháng đầu năm 2023 đạt trên 1 tỷ USD gồm: gỗ và sản phẩm gỗ (thặng dư 8,02 tỷ USD, giảm 19,2%); cà phê (thặng dư 3,04 tỷ USD, tăng 0,4%); gạo (thặng dư gần 3 tỷ USD, tăng 43,5%); hàng rau quả (thặng dư 2,72 tỷ USD, tăng 2,8 lần); tôm (thặng dư 2,11 tỷ USD, giảm 28,1%); cá tra (thặng dư 1,24 tỷ USD, giảm 33,6%).

Có 5 mặt hàng nông lâm thủy sản có thâm hụt thương mại ước tính 9 tháng đầu năm 2023 trên 1 tỷ USD, gồm: thức ăn gia súc và nguyên liệu (thâm hụt 2,94 tỷ USD, giảm 9,4%); bông các loại (thâm hụt 2,18 tỷ USD, giảm 26,4%); chế phẩm từ sản phẩm trồng trọt (thâm hụt 2,12 tỷ USD, tăng 8,8%); bắp (thâm hụt gần 1,93 tỷ USD, giảm 16,9%); lúa mì (thâm hụt 1,16 tỷ USD, giảm 6,1%).

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN THỦY SẢN

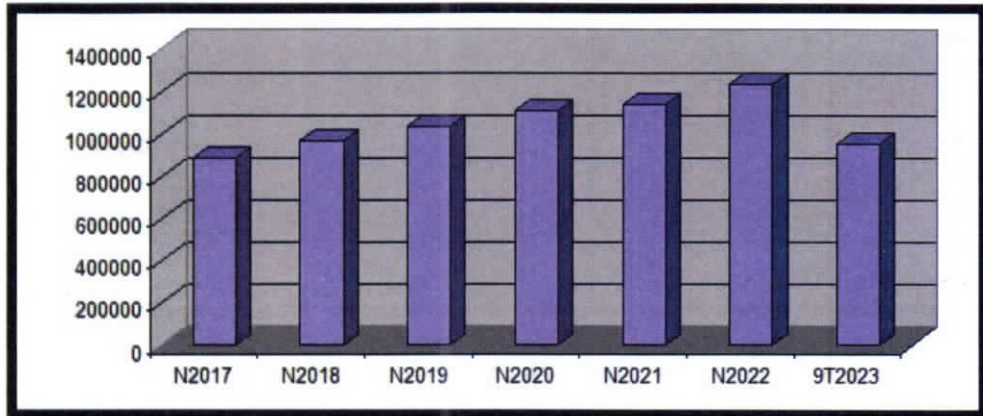
* Tình hình cung cầu mặt hàng tôm và dự báo

Tình hình sản xuất

Sản lượng tôm Việt Nam đang tăng đều qua các năm. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2017 sản lượng mới chỉ đạt hơn 887 nghìn tấn thì đến năm 2022 đã tăng lên đạt hơn 1,23 triệu tấn.

Năm 2023 mặc dù tiêu thụ khó khăn hơn do nhu cầu từ các nước nhập khẩu giảm, nhưng sản lượng vẫn tiếp tục đạt cao hơn. Trong quý III/2023, Việt Nam sản xuất tôm đạt 419,3 nghìn tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 9 tháng năm 2023 đạt 957,4 nghìn tấn, tăng 4,2%.

Đồ thị 1. Sản lượng tôm Việt Nam giai đoạn 2017-2022 và 9 tháng năm 2023 (tấn)



(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Thống kê)

Giá thành sản xuất tôm ở nước ta vẫn còn cao hơn so với các nước trong khu vực. Cụ thể, tôm chân trắng loại 50 con/kg của Việt Nam nuôi tối thiểu khoảng 90.000 đồng. So sánh với Ấn Độ, đắt hơn khoảng 20.000-22.000 đồng, còn so với Ecuador, đắt hơn khoảng 30.000 – 33.000 đồng.

Nguyên nhân do chi phí thức ăn nuôi tôm vẫn đang chiếm tỷ lệ cao trong giá thành sản xuất (khoảng trên 65% giá thành nuôi tôm công nghiệp); chi phí con giống cao do phải nhập khẩu tôm bố mẹ. Nhiều vùng nuôi thiếu điện phải sử dụng máy nổ để bơm nước, quạt khí, phát điện (chi phí cao gấp 2 lần so với sử dụng điện). Bên cạnh đó, các cơ sở nuôi nhỏ lẻ thường thiếu vốn sản xuất, phải mua chịu vật tư đầu vào, chịu lãi suất cao,...

Diễn biến giá

Sau khi liên tục sụt giảm trong thời gian dài và xuống đứng ở mức thấp nhất kể từ đầu năm vào cuối tháng 7, đầu tháng 8/2023, thì giá tôm nguyên liệu đã bắt đầu tăng trở lại từ giữa tháng 8/2023. Cụ thể, đến cuối tháng 8/2023, tại ĐBSCL, một số nhà máy chế biến tôm xuất khẩu đã thông báo giá thu mua tôm thẻ chân trắng (áp dụng cho khu vực các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu và Kiên Giang) loại 30 con/kg là 133.000 đồng/kg, loại 50 con/kg là 88.000 đồng/kg. Các mức giá thu mua mới này cao hơn 7.000 – 15.000 đồng/kg tùy cỡ so với mức đáy trước đó.

Giá tôm liên tiếp sụt giảm và xuống thấp trong tháng 7/2023 do vào mùa vụ nuôi tôm chính, không chỉ ở Việt Nam mà còn tập trung ở các nước nuôi tôm khác như Ecuador, Ấn Độ và Indonesia, trong khi tình hình xuất khẩu kém khả quan trong 2 quý đầu năm do nhu cầu thấp hơn trên thị trường thế giới trong bối cảnh lạm phát cao, kinh tế khó khăn.

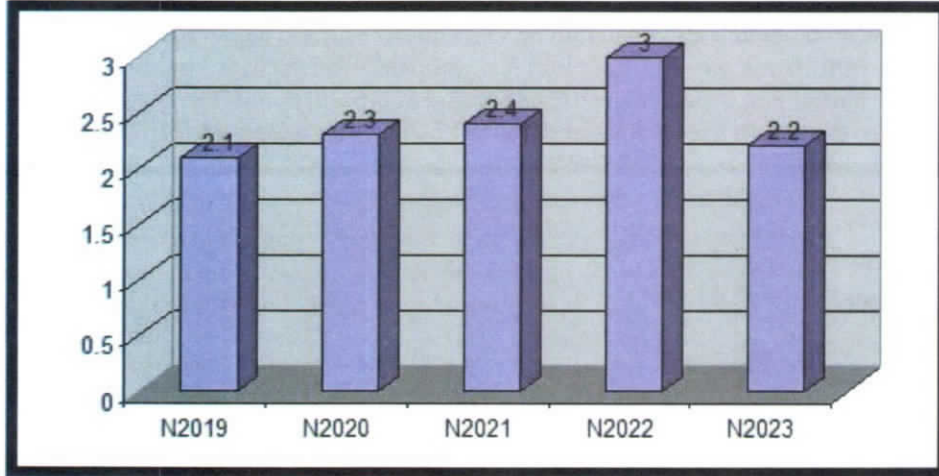
Tuy nhiên, sang tháng 8/2023, thị trường xuất khẩu ở xu hướng âm dần lên trước kỳ vọng nhu cầu tôm trên thị trường thế giới sẽ tăng lên trong những tháng cuối năm và người nuôi hạn chế thả nuôi khi giá xuống thấp trước đó khiến nguồn cung bắt đầu thắt chặt đã nâng đỡ cho giá tôm nguyên liệu phục hồi nhẹ.

Bên cạnh đó, sau tin Nhật Bản xả nước thải từ nhà máy điện hạt nhân, người tiêu dùng Nhật Bản thận trọng với thủy sản nội địa, còn Trung Quốc đã cấm nhập thủy sản từ Nhật Bản từ ngày 24/8. Cơ cấu xuất nhập khẩu thủy sản trên thị trường thế giới theo đó có sự thay đổi cũng tạo ra cơ hội cho thủy sản Việt Nam nói chung và mặt hàng tôm xuất khẩu nói riêng.

Tình hình xuất khẩu

Sau khi đạt mức cao kỷ lục 4,3 tỷ USD trong năm 2022, xuất khẩu tôm Việt Nam sang năm 2023 lại đang đối mặt với nhiều khó khăn do nhu cầu giảm từ các thị trường nhập khẩu và cạnh tranh từ các nước cung ứng lớn. Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu tôm của Việt Nam trong 8 tháng năm 2023 đạt 2,2 tỷ USD, giảm 28% so với cùng kỳ năm 2022.

Đồ thị 2. Kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam, T1-T8/2019-2023 (tỷ USD)



(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan)

Mặc dù xuất khẩu tôm nói chung thấp hơn khá nhiều từ đầu năm đến nay so với cùng kỳ năm trước, song tình hình đang dần cải thiện trong những tháng gần đây khi biên độ giảm đang dần thu hẹp, đặc biệt kể từ tháng 7/2023.

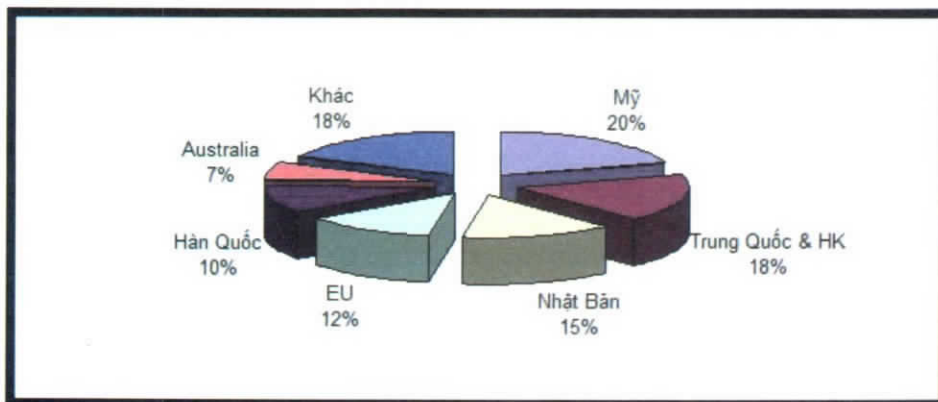
Cụ thể, tháng 7/2023, kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam đạt hơn 320 triệu USD, chỉ còn giảm 16% so với cùng kỳ năm 2022. Sang tháng 8/2023, kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam đạt 337 triệu USD, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2022. Mức sụt giảm 15% trong tháng 8 là mức giảm thấp nhất kể từ đầu năm nay.

Xu hướng xuất khẩu sang các thị trường trong tháng 8 vẫn tương tự xu hướng của tháng 7: xuất khẩu sang 2 thị trường chính là Mỹ và Trung Quốc tiếp tục đà tăng trưởng dương của tháng 7.

Sau khi ghi nhận mức tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước lần đầu tiên trong tháng 7/2023, kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ tiếp tục tăng 11% trong tháng 8/2023, đạt 76 triệu USD. Tính chung 8 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu tôm sang Mỹ đạt 451 triệu USD, giảm 27% so với cùng kỳ 2022.

Kim ngạch xuất khẩu tôm sang Trung Quốc & HK tháng 8/2023 đạt 56 triệu USD, tăng 32% so với cùng kỳ. Lũy kế 8 tháng năm 2023, kim ngạch đạt 393 triệu USD, giảm 5% so với cùng kỳ 2022.

Đồ thị 3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu tôm Việt Nam 8 tháng năm 2023



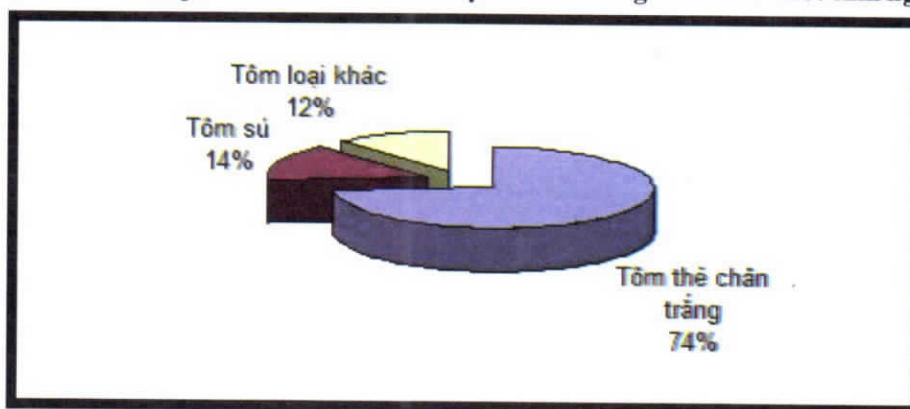
(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan)

Bảng 1. Thị trường chính Việt Nam xuất khẩu tôm 8 tháng năm 2023 so cùng kỳ

| Thị trường xuất khẩu | 8 tháng năm 2023 (triệu USD) | So với cùng kỳ năm 2022 (%) |
|----------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Mỹ | 451 | -27 |
| Trung Quốc & HK | 393 | -5 |
| Nhật Bản | 325 | -30 |
| EU | 277 | -47 |
| Hàn Quốc | 225 | -31 |
| Australia | 147 | -20 |

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan)

Về cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu, tôm chân trắng (chiếm tỷ trọng 74%) có giá trị xuất khẩu đạt hơn 1,6 tỷ USD trong 8 tháng năm 2023, giảm 30,2% so với cùng kỳ năm 2022. Giá trị xuất khẩu tôm sú (chiếm 14%) đạt 320 triệu USD, giảm 25,2%, tôm loại khác (chiếm 12%) đạt 258 triệu USD, giảm 25,7%.

Đồ thị 4. Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu Việt Nam 8 tháng năm 2023 theo kim ngạch

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan)

Bảng 2. Chủng loại tôm xuất khẩu Việt Nam 8 tháng năm 2023 so cùng kỳ

| Sản phẩm tôm xuất khẩu | 8 tháng năm 2023 (triệu USD) | So với cùng kỳ năm 2022 (%) |
|------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tôm thê chân trắng | 1.643 | -30,2 |
| Tôm sú | 320 | -25,2 |
| Tôm loại khác | 258 | -25,7 |

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan)

Dự báo

Mặc dù còn đối mặt với nhiều khó khăn nhưng tăng trưởng từ thị trường Mỹ và Trung Quốc bắt đầu từ tháng 7 cho thấy nhu cầu từ thị trường tiêu thụ lớn đang có dấu hiệu “ấm dần”.

Giai đoạn cuối năm nay, qua cao điểm mùa vụ, sức cung giảm, giá tôm cũng gần chạm đáy, nhà nhập khẩu có động lực mua tích trữ. Mùa lễ hội, hàng chế biến sâu dễ tiêu thụ hơn sẽ là lợi thế cho tôm Việt Nam.

Tín hiệu tích cực từ thị trường Mỹ và Trung Quốc, doanh nghiệp cũng đã có sự chuẩn bị cho đợt tăng tốc cuối năm, cùng với sự sát cánh hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp từ Chính phủ, Bộ ngành, dự kiến mức sụt giảm trong kim ngạch xuất khẩu tôm trong các tháng của quý 3/2023 sẽ thu hẹp dần so với cùng kỳ và có thể có được tăng trưởng trở lại trong quý cuối năm.

Về giá tôm nguyên liệu trong nước, dự báo giá sẽ dần phục hồi trong những tháng cuối năm khi nhu cầu xuất khẩu tiếp tục cải thiện và nguồn cung tôm nguyên liệu khan hiếm dần khi qua cao điểm mùa vụ trong khi người nuôi hạn chế thả nuôi trong những tháng vừa qua.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHĂN NUÔI*** Giá heo hơi trên đà giảm mạnh**

Tiếp tục xu hướng sụt giảm trong vòng 2 tháng qua, giá heo hơi sang tháng 10/2023 vẫn đang nới rộng biên độ giảm khi lùi về sát ngưỡng 50.000 đồng/kg, thậm chí có địa phương đã đứng dưới ngưỡng này.

Tính đến ngày 12/10, giá heo hơi tại miền Bắc trong khoảng 50.000 - 53.000 đồng/kg; giá heo hơi ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên trong khoảng 49.000 - 52.000 đồng/kg; giá heo hơi khu vực miền Nam dao động trong khoảng 49.000 - 53.000 đồng/kg. So với mức cao hồi tháng 7/2023, hiện giá heo hơi đã giảm khoảng 20%.

Tham khảo giá heo hơi tại các tỉnh miền Bắc

| Địa phương | Giá ngày 31/07 (đồng/kg) | Giá ngày 31/08 (đồng/kg) | Giá ngày 12/10 (đồng/kg) |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Bắc Giang | 61.000 | 58.000 | 52.000 |
| Yên Bái | 61.000 | 57.000 | 50.000 |
| Lào Cai | 61.000 | 57.000 | 50.000 |
| Hưng Yên | 61.000 | 58.000 | 53.000 |
| Nam Định | 61.000 | 57.000 | 51.000 |
| Thái Nguyên | 62.000 | 58.000 | 51.000 |
| Phú Thọ | 61.000 | 58.000 | 52.000 |
| Thái Bình | 62.000 | 58.000 | 52.000 |
| Hà Nam | 61.000 | 57.000 | 51.000 |
| Vĩnh Phúc | 61.000 | 58.000 | 51.000 |
| Hà Nội | 62.000 | 58.000 | 52.000 |
| Ninh Bình | 61.000 | 57.000 | 51.000 |
| Tuyên Quang | 61.000 | 58.000 | 52.000 |

Tham khảo giá heo hơi tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên

| Địa phương | Giá ngày 31/07 (đồng/kg) | Giá ngày 31/08 (đồng/kg) | Giá ngày 12/10 (đồng/kg) |
|------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thanh Hóa | 61.000 | 57.000 | 51.000 |
| Nghệ An | 60.000 | 57.000 | 49.000 |

| | | | |
|----------------|--------|--------|--------|
| Hà Tĩnh | 60.000 | 57.000 | 51.000 |
| Quảng Bình | 60.000 | 57.000 | 51.000 |
| Quảng Trị | 60.000 | 57.000 | 51.000 |
| Thừa Thiên Huế | 60.000 | 57.000 | 52.000 |
| Quảng Nam | 60.000 | 57.000 | 52.000 |
| Quảng Ngãi | 60.000 | 57.000 | 52.000 |
| Bình Định | 60.000 | 56.000 | 52.000 |
| Khánh Hòa | 60.000 | 56.000 | 51.000 |
| Lâm Đồng | 60.000 | 57.000 | 52.000 |
| Đắk Lắk | 59.000 | 55.000 | 50.000 |
| Ninh Thuận | 59.000 | 56.000 | 51.000 |
| Bình Thuận | 59.000 | 56.000 | 52.000 |

Tham khảo giá heo hơi tại các tỉnh miền Nam

| Địa phương | Giá ngày 31/07 (đồng/kg) | Giá ngày 31/08 (đồng/kg) | Giá ngày 12/10 (đồng/kg) |
|-------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Bình Phước | 59.000 | 56.000 | 51.000 |
| Đồng Nai | 60.000 | 57.000 | 52.000 |
| TP HCM | 59.000 | 57.000 | 51.000 |
| Bình Dương | 59.000 | 56.000 | 51.000 |
| Tây Ninh | 59.000 | 57.000 | 51.000 |
| Vũng Tàu | 60.000 | 56.000 | 52.000 |
| Long An | 59.000 | 56.000 | 52.000 |
| Đồng Tháp | 60.000 | 57.000 | 52.000 |
| An Giang | 59.000 | 57.000 | 52.000 |
| Vĩnh Long | 59.000 | 57.000 | 52.000 |
| Cần Thơ | 57.000 | 58.000 | 52.000 |

| | | | |
|------------|--------|--------|--------|
| Kiên Giang | 59.000 | 57.000 | 49.000 |
| Hậu Giang | 59.000 | 57.000 | 52.000 |
| Cà Mau | 60.000 | 58.000 | 53.000 |
| Tiền Giang | 59.000 | 57.000 | 52.000 |
| Bạc Liêu | 60.000 | 58.000 | 52.000 |
| Trà Vinh | 58.000 | 56.000 | 51.000 |
| Bến Tre | 58.000 | 56.000 | 49.000 |
| Sóc Trăng | 58.000 | 58.000 | 51.000 |

Giá heo hơi liên tục giảm thời gian gần đây ngay cả khi đã qua tháng 7 âm lịch - giai đoạn thấp điểm hàng năm do nhiều người ăn chay. Ngay cả trong dịp trung thu, nhu cầu tiêu thụ thịt heo năm nay cũng không tăng lên trong khi nguồn cung vẫn ổn định, gây áp lực lên giá.

Với chi phí nuôi của toàn ngành dao động khoảng 49.000 - 53.000 đồng/kg, ở mức giá hiện tại, nhiều hộ nuôi bắt đầu lỗ còn với doanh nghiệp nuôi khép kín vẫn có lãi nhưng không nhiều.

“Nguồn cung từ các trang trại trong nước vẫn nhiều, tình trạng nhập heo lậu từ Thái Lan vẫn còn diễn ra. Trung bình mỗi ngày khoảng vài ba nghìn heo nhập lậu vào Việt Nam. Trong khi sức mua vẫn yếu, chưa thể tăng theo kịp do người dân tiết kiệm chi tiêu”, ông Nguyễn Xuân Dương, Chủ tịch Hội Chăn nuôi cho biết. Ông nói thêm giá heo hơi nhập lậu từ Thái Lan rẻ hơn nhiều so với giá trong nước chỉ khoảng 40.000 - 45.000 đồng/kg.

Một yếu tố khác khiến sức ép từ nguồn cung lên giá càng lớn là dịch tả heo châu Phi. Báo cáo mới đây của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết trong tháng 9, dịch tả heo châu Phi xuất hiện ở một số vùng khiến người dân bán lượng lớn heo ra ngoài thị trường. Điều này đồng thời tạo mức chênh lệch lớn về giá bán tại một số vùng.

“Giá heo hơi phải nằm trong khoảng 55.000 - 60.000 đồng/kg mới đảm bảo lợi nhuận cho người chăn nuôi”, ông Dương nói.

Giải pháp nào cho ngành chăn nuôi hiện nay?

Theo ông Dương tình hình tiêu thụ heo những tháng cuối năm có thể sẽ cải thiện hơn khi bước vào mùa lễ hội.

“Nếu kiểm soát tốt tình hình nhập lậu, giá heo hơi cuối năm sẽ tăng lên, quanh mức 58.000 - 60.000 đồng/kg”, ông Dương nói.

Ngày 1/8, Thủ tướng gửi công điện yêu cầu các tỉnh và Bộ ngành liên quan tăng cường kiểm xử lý nghiêm các trường hợp buôn bán, vận chuyển trái phép heo qua biên

giới vào Việt Nam. Trường hợp phát hiện heo nhập khẩu bất hợp pháp, các cơ quan phải thực hiện tái xuất hoặc tiêu hủy ngay, đồng thời xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm.

“Heo nhập lậu không rõ nguồn gốc, có thể được cho ăn các sản phẩm cấm dùng trong chăn nuôi, không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, có nguy cơ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành chăn nuôi trong nước và sức khỏe người dân”, công điện nêu.

Về dài hạn, để giải quyết câu chuyện giá cả bấp bênh, ông Dương cho rằng xuất khẩu vẫn là giải pháp quan trọng, cứu cánh cho thị trường trong nước, bên cạnh việc kiểm soát nhập lậu.

Theo số liệu của Tổng Cục Hải quan, 8 tháng 2023, Việt Nam xuất khẩu hơn 14.000 tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá gần 68 triệu USD tăng 23% về lượng và tăng 35% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó thịt heo ướp lạnh hoặc đông lạnh chiếm khoảng 50% về lượng.

Theo ông Dương, mặc dù mức tăng trưởng về xuất khẩu trong 8 tháng khá cao, nếu so sánh với tổng sản lượng của nước khoảng 2,8 triệu tấn, con số này vẫn chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

“Giả sử có tăng gấp đôi khối lượng xuất khẩu cũng chưa thể giải quyết được vấn đề”, ông nói.

Việc tăng cường xuất khẩu thịt heo là điều không hề dễ nhưng không thể không tính đến. Để xuất khẩu được thì cần phải kiểm soát tốt được dịch bệnh. Ngoài ra, ngành chăn nuôi cũng cần hạ giá thành sản xuất. Chi phí nuôi của Việt Nam hiện vẫn ở mức cao trên thế giới do nguyên liệu thức ăn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Ngoài ra, muốn xuất khẩu thịt sang thị trường mới cũng mất 5-7 năm để đàm phán và tiếp thị. Bởi vậy, xuất khẩu các sản phẩm thịt heo tươi sống rất khó.

Ông Dương cho rằng giải pháp hiện tại là xuất khẩu các sản phẩm thịt heo đã qua xử lý nhiệt (thịt đông lạnh, thịt chế biến sẵn).

Bên cạnh đẩy mạnh xuất khẩu, việc thành lập sàn giao dịch thịt heo cũng được kỳ vọng sẽ giúp ổn định thị trường.

Mới đây, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam đã ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác xây dựng sàn giao dịch thịt heo thành phố Hồ Chí Minh.

Sàn giao dịch thịt heo được hình thành nhằm xây dựng môi trường kinh doanh, giao dịch mặt hàng heo hơi theo phương thức hiện đại, thông minh, bảo đảm công bằng và minh bạch.

Sàn giao dịch này cũng sẽ góp phần tái cơ cấu và chuẩn hóa quy trình chăn nuôi, chế biến, sản xuất mặt hàng thịt heo.

Ngoài ra, sàn sẽ hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và hướng tới mục tiêu xuất khẩu.

THÔNG TIN LÚA GẠO

* Tổng quan thị trường lúa gạo

Giá gạo giảm tại Ấn Độ và Thái Lan, không thay đổi tại Việt Nam

Tuần qua (tuần đến ngày 6/10), giá gạo xuất khẩu chào bán của Việt Nam ổn định ở mức cao, trong khi giá gạo của Ấn Độ và Thái Lan điều chỉnh giảm. Như vậy, giá gạo nước ta đang có mức chào bán cao hơn so với các đối thủ chính trong khu vực.

Giá gạo xuất khẩu từ Ấn Độ giảm, do thuế áp đặt đối với các lô hàng gạo đồ mới đây khiến khách hàng không hài lòng.

Tại Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo hàng đầu, giá gạo 5% tằm ở mức cao 520-530 USD/tấn, giảm so với 525-535 USD/tấn 1 tuần trước đó.

Tại Thái Lan, giá gạo 5% tằm giảm xuống 585 USD/tấn, giảm so với 590-607 USD/tấn 1 tuần trước đó, do đồng baht giảm xuống mức thấp nhất 11 tháng so với đồng USD.

Đối với loại 5% tằm, giá gạo Việt Nam ở mức 610-620 USD/tấn, không thay đổi so với 1 tuần trước đó.

Giá gạo hiện nay đang có xu hướng chững lại sau động thái của một số nước nhập khẩu nhằm kiểm chế lạm phát, tập trung vào chính sách phát triển sản xuất trong nước để tăng cường lượng tồn kho, tìm kiếm các nguồn lương thực thay thế cho gạo.

Giá gạo xuất khẩu đã hạ nhiệt và khó quay về đỉnh được thiết lập vào cuối tháng 8-2023 khi nguồn cung trên thế giới đang dồi dào trở lại.

Dù giá gạo xuất khẩu giảm song mặt bằng giá hiện tại vẫn ở mức tốt, đủ để nông dân có lợi. Trước đó, Việt Nam cũng đã kịp xuất khẩu sản lượng gạo kỷ lục trong tháng 9-2023 khi giá xuất khẩu còn cao.

Có thể nói, mức độ biến động của giá gạo xuất khẩu thời gian tới sẽ còn phụ thuộc vào chính sách của các nước xuất khẩu lớn như Thái Lan, Ấn Độ trong thời gian tới. Do đó, Bộ Công Thương đề nghị các doanh nghiệp cần theo dõi tình hình thương mại toàn cầu và tìm hiểu kỹ các đối tác trước khi ký hợp đồng. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần tính đến những phương án có thể xảy ra để phòng tránh rủi ro.

"Chúng ta luôn luôn phải tính đến những phương án có thể xảy ra, trong việc chúng ta dự trữ, cũng như ký kết hợp đồng và áp dụng các điều khoản phù hợp để phòng tránh rủi ro. Còn việc đảm bảo dự trữ lưu thông, cũng như đáp ứng các yêu cầu của Nghị định 107 vẫn là yêu cầu hàng đầu các doanh nghiệp xuất khẩu gạo phải đảm bảo tuân thủ", ông Trần Thanh Hải, Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương, nhận định.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam cho biết, xuất khẩu gạo đang thuận lợi, nhất là trong những tháng cuối năm bởi các thị trường lớn như Trung Quốc, Philippines, Malaysia... vẫn mua mạnh. Ngoài ra, người tiêu dùng tại thị trường khó tính như châu Âu, Hàn Quốc, Australia và một số thị trường mới mở ở khu vực Trung Đông đang ưa chuộng các loại gạo chất lượng cao của Việt Nam, tạo cơ hội gia tăng xuất khẩu gạo.

Những diễn biến mới

Philippines - nhà nhập khẩu gạo hàng đầu thế giới và là nước nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam với gần 40% thị phần - vừa chính thức bỏ trần giá gạo. Nước này cũng tuyên bố giữ nguyên thuế suất thuế nhập khẩu là 35%, trái với dự đoán có thể giảm 10% trước đó. Các doanh nghiệp (DN) Philippines do đó bắt đầu mua gạo trở lại sau thời gian tạm ngưng để chờ đợi chính sách rõ ràng.

Theo bà Phan Mai Hương - đồng sáng lập Công ty SSRresource Media Pte.Ltd (Singapore), chuyên gia phân tích thị trường lúa gạo quốc tế - nguồn cung gạo thế giới đang dồi dào bởi Thái Lan vừa thu hoạch xong vụ lúa phụ. Nguồn cung gạo giá rẻ từ Pakistan cũng lớn do nước này vừa thu hoạch xong với sản lượng tốt. Trong khi đó, Việt Nam không còn nguồn cung lớn nên giá gạo giữ ở mức cao hơn các nước.

Thị trường gạo toàn cầu bắt đầu "dậy sóng" từ cuối tháng 7-2023 khi Ấn Độ tuyên bố cấm xuất khẩu gạo trắng thông dụng. Tiếp đó là hàng loạt động thái siết nguồn cung của Ấn Độ như áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu 20% với gạo đồ (được làm chín một phần), áp giá sản xuất khẩu gạo basmati 1.200 USD/tấn. Sau đó, Nga, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) cũng ban hành lệnh cấm xuất khẩu gạo. Những động thái này đã đẩy giá gạo trắng 5% tằm từ 530 USD/tấn vọt lên 643 USD/tấn vào cuối tháng 8-2023.

Ông Trần Trương Tấn Tài, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (Vinarice), nhìn nhận thị trường gạo hiện tại ổn định, thuận lợi cho giao thương. "Gạo là hàng hóa đặc biệt nên các chính phủ đều

có biện pháp kiểm soát giá, không để bị đẩy lên quá cao ảnh hưởng đến đời sống người dân. Hơn nữa, các thị trường nhập khẩu gạo số lượng lớn đều ưu tiên giá rẻ rồi mới đến chất lượng" - ông Tài phân tích.

Giá gạo sẽ đi ngang?

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 9 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu khoảng 6,61 triệu tấn gạo, tương đương 3,66 tỉ USD - tăng 23,1% về khối lượng và tăng 40,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Riêng trong tháng 9, cả nước xuất khẩu 800.000 tấn gạo, đạt giá trị 495 triệu USD; đơn giá xuất khẩu bình quân 618 USD/tấn - mức kỷ lục trong hơn 10 năm qua.

Đáng chú ý, trong 9 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất siêu gạo đạt 3 tỉ USD, tăng 43,5% so với cùng kỳ năm 2022. Do tác động của lệnh cấm xuất khẩu gạo từ Ấn Độ, Việt Nam chuyển từ nhập khẩu số lượng lớn gạo khô của nước này để phục vụ chế biến sang sử dụng nguồn cung nội địa. Điều này cho thấy chúng ta đã tận dụng tốt cơ hội khi thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới biến động.

Ông Đỗ Hà Nam, Phó Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), dự báo giá gạo thời gian tới sẽ đi ngang, xoay quanh 600 USD/tấn. So với nhiều năm trước, đây vẫn là mức giá tốt cho nông dân.

"Năm nay, nông dân được hưởng lợi về giá gạo. Ngược lại, nhiều DN gặp khó trong giai đoạn giá xuất khẩu tăng mạnh bởi nhà cung ứng không giao hàng. DN phải trả thêm tiền để được giao hàng với những hợp đồng đã ký với giá cũ. Ngoài ra, chi phí vốn lớn, lãi suất cao cũng khiến nhiều DN không có lãi" - ông Nam nhận xét.

Với riêng thị trường Philippines, bà Mai Hương cho rằng gạo Việt Nam có ưu thế là chủng loại phù hợp với nhu cầu nên không lo ngại phải cạnh tranh với các nguồn cung giá rẻ hơn. Trong năm nay, dự báo giá gạo xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở mức cao. Bà Hương khuyến cáo nông dân theo dõi thông tin để tránh bị thương lái ép giá.

"Sau khi xuất khẩu hơn 6,6 triệu tấn từ đầu năm đến nay, lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam trong những tháng còn lại chỉ khoảng 400.000-450.000 tấn/tháng, không gây áp lực tiêu thụ cho DN" - bà Hương nhận định.

Indonesia cần nhập khẩu thêm 1,5 triệu tấn gạo trong ba tháng cuối năm 2023

Thương vụ Việt Nam tại Indonesia cho biết ngày 8/10, Tổng thống Indonesia Joko Widodo tuyên bố lượng gạo thu hoạch trong 6 tháng cuối năm 2023 không đủ để đáp ứng nhu cầu gạo trong nước. Do đó, Chính phủ nước này cần thêm 1,5 triệu tấn gạo dự trữ tới cuối năm 2023.

Indonesia phải tăng nhập khẩu gạo do sản xuất nông nghiệp nước này bị ảnh hưởng mạnh của hiện tượng El Nino, cũng như Chính phủ cần thêm gạo để bình ổn giá gạo thị trường.

Cơ quan Lương thực Indonesia (Bulog) thông tin tính đến ngày 22/9, lượng gạo hiện có trong kho của cơ quan này còn hơn 1,7 triệu tấn, trong đó có 1,65 triệu tấn gạo dự trữ quốc gia và gần 64.000 tấn gạo thương mại.

Giá gạo tại Indonesia tăng mạnh trong thời gian vừa qua. Riêng trong ngày 8/10, giá gạo bán lẻ là 13.200 Rp/kg (1 USD = 15.400 Rp) đối với gạo phẩm cấp trung bình; 14.920 Rp/kg đối với gạo chất lượng cao.

Trong khi đó, giá gạo bán lẻ cao nhất theo quy định của Chính phủ Indonesia là 10.900-11.800 Rp/kg đối với gạo phẩm cấp trung bình và 13.900-14.800 Rp/kg đối với gạo chất lượng cao.

Lạm phát giá gạo Indonesia trong tháng 9 đã tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước, mức cao nhất từ năm 2014. Trong đó, giá gạo tháng 9 tăng 5,6% so với tháng 8 và đạt mức cao nhất từ tháng 2/2018.

Số liệu từ Bộ Nông nghiệp Indonesia, nước này đạt mục tiêu sản xuất 54,5 triệu tấn thóc trong năm 2023, tương đương với 32 triệu tấn gạo, bằng với mục tiêu năm 2022.

Tuy nhiên, sản xuất và năng suất lúa gạo hiện đang bị ảnh hưởng mạnh bởi hiện tượng El Nino. Năng suất dự kiến sẽ chỉ khoảng 4 tấn/ha so với mức năng suất bình quân 5-6 tấn/ha, công suất hoạt động của nhiều nhà máy xay xát gạo chỉ khoảng 20-30% trong tháng 8.

Để bình ổn thị trường và trật tự xã hội đặc biệt trong bối cảnh nước này sẽ tiến hành bầu cử Tổng thống và Quốc hội trong tháng 2/2024, Chính phủ Indonesia cần nhập khẩu thêm 1,5 triệu tấn gạo dự trữ quốc gia trong thời gian sớm nhất.

Thông kê của Tổng cục Hải quan cho thấy 8 tháng đầu năm 2023, Indonesia đã vượt qua Trung Quốc và trở thành nước tiêu thụ gạo lớn thứ hai của Việt Nam.

Theo đó, Indonesia đã nhập hơn 718.000 tấn gạo Việt Nam, tương ứng 361 triệu USD, gấp 16 lần cả về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

* Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo

Trong tháng 9/2023, giá nhiều chủng loại nguyên liệu chính sản xuất thức ăn chăn nuôi như bắp, đậu tương đã có xu hướng giảm trên thị trường thế giới do thời tiết thuận lợi cho vụ sản xuất cây trồng hiện tại ở các nước châu Mỹ. Trong nước, giá các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tháng 9/2023 tiếp diễn xu hướng biến động trái chiều khi giá khô dầu đậu tương giảm song giá sắn, cám gạo đều tăng. Với việc nguồn cung nguyên liệu đầu vào đang dần ổn định, dự báo trong các tháng tới giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm có thể giảm.



- Thị trường thế giới

- Diễn biến giá cả:

Trong tháng 9/2023, giá bắp tại các thị trường xuất khẩu chính trên thế giới giảm so với tháng 8/2023. Giá bắp Mỹ giảm 23 USD/tấn xuống 216 USD/tấn do thời tiết thuận lợi đối với hầu hết các khu vực sản xuất bắp. Giá bắp Brazil ít thay đổi kể từ tháng 7/2023. Giá bắp Achantina giảm 5 USD/tấn xuống 216 USD/tấn.

Giá lúa mì thế giới tháng 9/2023 diễn biến trái chiều, giá lúa mì của Achantina, Mỹ giảm, ngược lại giá lúa mì của Nga, Úc, EU và Canada tăng so với tháng 8/2023. Giá lúa mì Achantina giảm mạnh nhất là 17 USD/tấn xuống 323 USD/tấn do mưa làm giảm bớt tác động của hạn hán. Giá lúa mì Mỹ giảm 13 USD/tấn xuống 322 USD/tấn. Ngược lại giá lúa mì Nga tăng 14 USD/tấn lên 252 USD/tấn do nhu cầu nhập khẩu mạnh mẽ từ Bắc Phi. Lúa mì Úc tăng 13 USD/tấn lên 311 USD/tấn. Lúa mì EU tăng 12 USD/tấn lên 262 USD/tấn do rủi ro giá tăng ở Biển Đen và sản lượng thấp hơn dự kiến.

Tháng 9/2023, giá đậu tương thế giới giảm so với tháng 8/2023 do cây trồng của Mỹ được cải thiện. Giá trung bình trong tháng này là 13,8 USD/bushel.

- Diễn biến cung cầu:

+ Đậu tương

Theo báo cáo mới nhất của USDA dự báo sản lượng đậu tương toàn cầu trong niên vụ 2023/2024 tăng 8,9% so với vụ trước, từ 369,7 lên 402,8 triệu tấn. Trong đó, sản lượng đậu tương của Brazil ước tăng 4,5%, sẽ đạt 163 triệu tấn; Achantina tăng 92% đạt 48 triệu tấn; sản lượng của Hoa Kỳ dự báo đạt 114,5 triệu tấn, giảm 1,7% so với niên vụ 2022/2023.

Xuất khẩu đậu tương toàn cầu niên vụ 2023/2024 giảm 0,5 triệu tấn xuống 168,8 triệu tấn do xuất khẩu của Mỹ giảm. Brazil dần đầu hoạt động xuất khẩu với ước tính đạt 96,5 triệu tấn, tăng 2,7% so với niên vụ trước (94 triệu tấn), trong khi xuất khẩu đậu tương của Hoa Kỳ giảm 7,8% so với niên vụ trước, đạt 49,7 triệu tấn. Achantina dự kiến sẽ xuất khẩu 4,6 triệu tấn, tăng 17,9% so với niên vụ 2022/2023 (3,9 triệu tấn).

Trung Quốc dự kiến sẽ nhập khẩu 99 triệu tấn đậu tương, giảm 1% so với niên vụ trước.

Dự trữ đậu tương cuối kỳ toàn cầu giảm 1,6 triệu tấn xuống 119,4 triệu tấn chủ yếu do dự trữ Mỹ giảm.

+ *Bắp*

USDA dự báo sản lượng bắp thế giới niên vụ 2023/2024 đạt 1213,5 triệu tấn, tăng 5,4% so với niên vụ 2022/2023 (tương ứng tăng 1151,8 triệu tấn).

Sản lượng bắp tại Hoa Kỳ ước tính đạt 383,8 triệu tấn, tăng 10,1% so với năm trước (tăng 348,8 triệu tấn), trong khi sản lượng tại Trung Quốc dự báo sẽ giảm 0,1%, xuống còn 277 triệu tấn. Châu Âu dự báo sẽ tăng 14,3% đạt 59,7 triệu tấn, Ukraine sẽ tăng 1,9% đạt 27,5 triệu tấn. Sản lượng bắp của Brazil dự báo đạt 129 triệu tấn, giảm 4,4% so với niên vụ trước, trong khi Argentina, ước tính sản lượng đạt 54 triệu tấn, tăng 58,8% so với niên vụ trước.

Xuất khẩu bắp thế giới dự báo sẽ tăng 10,5%, từ 177,5 triệu tấn trong niên vụ 2022/2023 lên 196,2 triệu tấn trong niên vụ 2023/2024. Hoa Kỳ là nước xuất khẩu ngũ cốc lớn thứ hai, đạt 52,1 triệu tấn, tăng 26,2% so với niên vụ trước.

Trung Quốc dự kiến sẽ nhập khẩu 23 triệu tấn bắp, tăng 27,8% so với niên vụ trước (18 triệu tấn). Liên minh châu Âu dự kiến sẽ giảm nhập khẩu 2% với 24 triệu tấn.

Dự trữ bắp cuối vụ trên thế giới dự kiến sẽ tăng 4,4% lên 311 triệu tấn. Đối với Hoa Kỳ, dự kiến dự trữ sẽ tăng 51,2%, trong khi đối với Brazil và Trung Quốc, lượng dự trữ sẽ giảm lần lượt là 25,6% và 2%.

+ *Lúa mì*

Báo cáo mới nhất của USDA, dự báo sản lượng lúa mì toàn cầu vụ 2023/2024 giảm so với dự báo tháng trước, mặc dù vẫn ở mức kỷ lục, chủ yếu do sản lượng của Trung Quốc, EU và Canada giảm, ngược lại sản lượng của Ukraine và Kazakhstan tăng.

Nguồn cung lúa mì toàn cầu dự kiến sẽ giảm 4,3 triệu tấn xuống còn 1.061,7 triệu tấn. Sản lượng của EU ước tính giảm 3 triệu tấn xuống 135 triệu tấn, chủ yếu là do sản lượng giảm ở Tây Ban Nha, Litva và Romania. Sản lượng của Trung Quốc dự kiến giảm 3 triệu tấn xuống còn 137 triệu tấn, dựa trên dự báo của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc. Sản lượng lúa mì của Ukraine tăng 3,5 triệu tấn lên 21 triệu tấn nhờ diện tích thu hoạch cao hơn và sản lượng được dự báo cao thứ hai trong lịch sử.

Thương mại toàn cầu cũng được dự báo giảm 2,2 triệu tấn xuống 209,4 triệu tấn so với mức kỷ lục của năm trước do xuất khẩu của Canada và Mỹ giảm nhiều hơn bù đắp cho xuất khẩu cao hơn của Nga.

Xuất khẩu của Ukraine không thay đổi ở mức 10,5 triệu tấn khi hết hạn Sáng kiến Ngũ cốc Biển Đen.

Dự trữ lúa mì toàn cầu niên vụ 2023/2024 dự kiến giảm 0,9 triệu tấn xuống 265,6 triệu tấn, mức thấp nhất kể từ niên vụ 2015/2016.

USDA dự báo tiêu thụ lúa mì toàn cầu trong niên vụ 2023/2024 giảm 3,4 triệu tấn xuống còn 796,1 triệu tấn do việc sử dụng lúa mì làm lương thực, hạt giống và công nghiệp giảm ở Trung Quốc cũng như lúa mì làm thức ăn chăn nuôi và cho các mục đích khác ở EU thấp hơn.

Thị trường trong nước:

- Diễn biến giá cả:

Trong tháng 9/2023 giá các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi biến động trái chiều so với tháng trước Cụ thể như sau:

Giá khô đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 15.000 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 15.200 đ/kg; Giá bắp Nam Mỹ đạt mức 9.500 đ/kg, giảm từ 150 - 300 đ/kg, tùy chủng loại.

Giá sản tươi và sản lát tại miền Bắc, miền Trung và Đắc Lắc trong tháng 9/2023 tăng so với cuối tháng 8/2023 do sự khan hiếm nguồn cung giao ngay, giá tại Tây Ninh, Gia Lai dao động từ 3.150 – 3.950 đ/kg, tăng từ 50 – 150 đ/kg tùy khu vực.

Giá cám gạo trong tháng 9/2023 tăng từ 200 – 500 đ/kg do nhu cầu tiêu thụ tăng. Giá cám gạo tại Đồng Tháp là 8.600 – 8.800 đ/kg; tại Kiên Giang là 8.650 đ/kg; tại An Giang là 8.600 – 9.000 đ/kg; tại Bình Phước là 8.850 đ/kg; tại Hà Nội là 9.000 đ/kg.

Trong tháng 9/2023, một số công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi thông báo giảm một số loại thức ăn chăn nuôi từ ngày 01/9/2023. Cụ thể, giá thức ăn cho heo giảm từ 150-200 đ/kg tùy loại; thức ăn cho gà, vịt, chim cút, gia súc khác giảm 100 đ/kg so với tháng trước.

Dự báo: Từ đầu năm 2023 đến nay, giá thức ăn chăn nuôi nhiều lần giảm và dự báo giá nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi thành phẩm tiếp tục có xu hướng giảm do giá nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi giảm.

- Tình hình nhập khẩu:

+ Kim ngạch nhập khẩu:

Trong hai tuần đầu tháng 9/2023, kim ngạch nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu của nước ta ước đạt 178 triệu USD. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 9/2023, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 3.579 tỷ USD.

Trước đó, theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu tháng 8/2023 tăng 6,4% so với tháng 7/2023 nhưng giảm 4,3% so với tháng 8/2022, đạt 548,79 triệu USD. Lũy kế 8 tháng năm 2023, nhập khẩu nhóm hàng này đạt trên 3,4 tỷ USD, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2022.

+ Thị trường nhập khẩu:

Trong 8 tháng năm 2023, Việt Nam nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu nhiều nhất từ thị trường Argentina, chiếm 28,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt trên 981,21 triệu USD, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó riêng tháng 8/2023 đạt 234,87 triệu USD, tăng mạnh 52,3% so với tháng 7/2023 và tăng 28,7% so với tháng 8/2022.

Đứng thứ 2 là thị trường Brazil chiếm tỷ trọng 16,5%, đạt gần 560,35 triệu USD, giảm 26,9% so với cùng kỳ; riêng tháng 8/2023 nhập khẩu từ thị trường này đạt 88,91 triệu USD, giảm mạnh 40,2% so với tháng 7/2023 và giảm 32,3% so với tháng 8/2022.

Tiếp đến thị trường Mỹ trong tháng 8/2023 nhập khẩu giảm 19,9% so với tháng 7/2023 và giảm 14,6% so với tháng 8/2022, đạt 59,43 triệu USD; tính chung 8 tháng năm 2023 nhập khẩu từ thị trường này tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2022; đạt 477,29 triệu USD, chiếm 14% trong tổng kim ngạch.

Nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ thị trường EU trong 8 tháng năm 2023 giảm 34,2% so với 8 tháng đầu năm 2022, đạt 207,51 triệu USD; Nhập từ thị trường Đông Nam Á giảm 18,5%, đạt 205,11 triệu USD.

+ Chủng loại nhập khẩu:

*** Bắp**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu bắp trong tháng 8/2023 đạt 1,08 triệu tấn, trị giá 310,29 triệu USD, giá trung bình 288,6 USD/tấn, tăng 80% về lượng và tăng 75,4% kim ngạch so với tháng 7/2023, nhưng giá giảm 2,5%; so với tháng 8/2022 cũng tăng mạnh 50,7% về lượng, tăng 19,9% về kim ngạch nhưng giảm 20,5% về giá.

Tính chung 8 tháng năm 2023 đạt trên 5,35 triệu tấn, trị giá trên 1,71 tỷ USD, giá trung bình 320,2 USD/tấn, giảm 8,6% về lượng, giảm 18% kim ngạch và giảm 10,3% về giá so với 8 tháng năm 2022.

*** Lúa mì**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2023 cả nước nhập khẩu 360.625 tấn lúa mì, tương đương 114,95 triệu USD, giá trung bình 318,8 USD/tấn, tăng 8% về lượng và tăng 3,5% kim ngạch so với tháng 7/2023 nhưng giá giảm 4,2%. So với tháng 8/2022 cũng tăng 23,7% về lượng, nhưng giảm 1,2% kim ngạch và giảm 20,2% giá.

Tính chung trong 8 tháng năm 2023 lượng lúa mì nhập khẩu của cả nước đạt gần 3,15 triệu tấn, trị giá gần 1,11 tỷ USD, tăng 9,2% về khối lượng, tăng 1,5% về kim ngạch so với 8 tháng năm 2022, giá trung bình đạt 352,3 USD/tấn, giảm 7%.

*** Đậu tương**

Nhập khẩu đậu tương trong tháng 8/2023 đạt 166.091 tấn, trị giá 96,65 triệu USD, giá trung bình 581,9 USD/tấn, tăng 83,8% về lượng và tăng 86% kim ngạch so với tháng 7/2023, giá tăng 1,2%; so với tháng 8/2022 cũng tăng mạnh 207% về lượng và tăng 138% về kim ngạch, nhưng giá giảm 22,6%.

Tính chung 8 tháng năm 2023 cả nước nhập khẩu gần 1,37 triệu tấn đậu tương, trị giá gần 876,75 triệu USD, giá trung bình 637,8 USD/tấn, tăng 7,1% về lượng, nhưng giảm 2% kim ngạch và giảm 8,5% về giá so với 8 tháng năm 2022.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

* Thông tin cần biết để xúc tiến xuất khẩu mặt hàng gia vị và hương liệu sang thị trường châu Âu

Thống kê cho thấy, các mặt hàng gia vị và hương liệu Việt Nam như gừng, ớt, nghệ, quế... đang được tiêu thụ mạnh tại nhiều thị trường trên thế giới, trong đó có châu Âu. Đây là thị trường được đánh giá là có triển vọng mạnh về tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn.

Gia vị và hương liệu đóng vai trò quan trọng làm nguyên liệu cho ngành thực phẩm và đồ uống châu Âu. Trong ngành công nghiệp thực phẩm, các phân khúc dành cho sản phẩm thịt (tiêu, ớt bột, ớt, tỏi khô, hạt tiêu, nghệ, thì là, húng tây, hương thảo, hành khô, v.v.), bánh mì và các sản phẩm có bột (quế, bạch đậu khấu, đinh hương, nhục đậu khấu, gừng, v.v.), đồ uống (gừng, húng tây, cây xô thơm, hoa hồi, nghệ, v.v.), trái cây và rau quả chế biến, và các sản phẩm từ cá đặc biệt quan trọng đối với gia vị và thảo mộc. Những phân khúc này chiếm hơn một nửa tổng ngành công nghiệp thực phẩm.

Pháp có ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống lớn nhất châu Âu, chiếm khoảng 19% tổng doanh thu; Đức có 17%, Ý 13%, Tây Ban Nha 11%, Hà Lan 7%, Ba Lan 5% và Bỉ 5%.

Ngoài ra, giá nhập khẩu trung bình ở châu Âu cao hơn đáng kể so với hầu hết các khu vực khác. Ví dụ, giá trung bình của các loại gia vị nhập khẩu ở châu Âu cao gần gấp đôi so với giá ở châu Á. Điều này khiến châu Âu trở thành thị trường mục tiêu thú vị cho các nhà xuất khẩu từ các nước đang phát triển, bất kể biến động thị trường xảy ra đối với một số sản phẩm do nhu cầu thay đổi.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU, đối với gia vị và hương liệu, các quốc gia châu Âu mang lại nhiều cơ hội nhất là Đức, Vương quốc Anh, Hà Lan và Tây Ban Nha. Trong đó, gừng, nghệ là các sản phẩm có nhu cầu cao nhất và hạt tiêu, vani, quế vẫn là những sản phẩm có thị trường lớn tại châu Âu. Bên cạnh đó, hạt nhục đậu khấu nói riêng cũng có sự tăng trưởng đáng kể trong thời gian gần đây.

Hiện châu Âu là một trong những khu vực nhập khẩu gia vị và hương liệu hàng đầu, chiếm khoảng 1/4 tổng lượng nhập khẩu của thế giới. Năm 2021, châu Á là thị trường nhập khẩu gia vị và hương liệu hàng đầu với 45% thị phần, tiếp theo là châu Âu (28%),

Từ năm 2019 đến năm 2021, thị trường châu Âu tiếp tục tăng nhập khẩu đặc biệt nhập khẩu từ các nước đang phát triển. Nhập khẩu gia vị và hương liệu trong giai đoạn này tăng với tốc độ hàng năm là 9%, đạt 1,8 tỷ euro và chiếm 60% lượng nhập khẩu của châu Âu.

Với những số liệu trên, Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU nhận định, gia vị và hương liệu là những sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam sang thị trường châu Âu trong thời gian tới. Do vậy, để thâm nhập vào thị trường khó tính này, các doanh nghiệp Việt Nam phải đáp ứng một số yêu cầu khắt khe như về yếu tố độ ẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, vấn đề chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Các điều kiện tiếp cận thị trường hương liệu, gia vị châu Âu

Hiện nay, thị trường châu Âu ngày càng quan tâm đến các loại gia vị có nguồn gốc bền vững, trong đó chứng nhận đóng vai trò quan trọng. Đầu tiên là vấn đề kiểm soát thực phẩm chính thức.

Thực phẩm nhập khẩu vào Liên minh châu Âu (EU) phải chịu sự kiểm soát thực phẩm chính thức. Những biện pháp kiểm soát này bao gồm việc kiểm tra thường xuyên có thể được thực hiện khi nhập khẩu (tại biên giới) hoặc sau đó, khi thực phẩm đã được phân phối lưu thông tại EU, chẳng hạn như tại cơ sở của nhà nhập khẩu. Việc kiểm soát nhằm kiểm tra xem sản phẩm có đáp ứng các yêu cầu hợp pháp hay không.

“Tất cả các doanh nghiệp thực phẩm bên ngoài châu Âu, quá trình sản xuất ngay từ đầu phải áp dụng, thực hiện và duy trì một quy trình dựa trên các nguyên tắc HACCP”, Thương vụ thông tin và nhấn mạnh, điều này là biện pháp kiểm soát chính thức không được thay thế bằng các chứng chỉ khác. Quy định áp dụng HACCP là một yếu tố quan trọng trong hệ thống quản lý chất lượng của các công ty nhằm trở thành nhà cung cấp thành công cho thị trường châu Âu.

Thứ hai là kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Các sản phẩm chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quá mức cho phép sẽ bị loại khỏi thị trường châu Âu. Vào năm 2022, 65% cảnh báo các vấn đề được báo cáo trong Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (RASFF) liên quan đến mức độ vi phạm ngưỡng Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) hoặc các hoạt chất không nằm trong danh mục được cho phép.

Đơn cử như mức độ quá mức thường thấy nhất trong các loại gia vị và hương liệu là Ethylene oxit (ETO) và chất chuyển hóa của nó là 2-chloroetanol (2-CE; Chlorpyrifos: MRL là 0,01 mg/kg đối với gia vị và hương liệu; Anthraquinone: MRL là 0,02 mg/kg; Cypermethrin: MRL là 0,02 mg/kg đối với gừng và nghệ và 0,01 mg/kg đối với các loại gia vị khác.

Thứ ba là yếu tố độ ẩm. Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU cho biết, mức dư lượng trong gia vị và hương liệu khô cao hơn trong sản phẩm tươi. Điều này phải được tính đến khi đánh giá mức dư lượng vì MRL dựa trên sản phẩm tươi sống.

Đối với các loại hương liệu và gia vị khô, Điều 20 của quy định MRL cho phép ngoại lệ đối với MRL do quá trình sấy khô gây ra. Hiệp hội Gia vị châu Âu (ESA) khuyến nghị hệ số khử nước cụ thể cho gia vị và hương liệu, từ 3 đối với tỏi khô đến 13 đối với lá rau mùi. Những yếu tố khử nước này không áp dụng cho hạt gia vị.

Thứ tư, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Tại Liên minh châu Âu, thuốc trừ sâu tổng hợp không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ. Trong thực tế, mức dư lượng rất thấp (thường là 0,01 mg) được cho phép nếu doanh nghiệp có thể chứng minh đó là kết quả của sự lây nhiễm chéo và không phải do sử dụng thuốc trừ sâu bất hợp pháp.

Cùng với đó, Thương vụ lưu ý, chất gây ô nhiễm thực phẩm là những chất không được cố ý bổ sung thêm vào thực phẩm. Chúng có thể hiện diện trong các loại hương liệu và gia vị do quá trình sản xuất, đóng gói, vận chuyển, bảo quản hoặc ô nhiễm môi trường. Chất gây bảo quản có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe người tiêu dùng. Để giảm thiểu những rủi ro này, EU đã đặt ra mức tối đa đối với một số chất gây bảo quản trong thực phẩm và nguyên liệu.

Thứ năm, vấn đề kiểm dịch thực vật. Hiện nay, EU kiểm tra các sản phẩm thực phẩm để bảo vệ con người, động vật và thực vật khỏi bệnh tật và sâu bệnh. Các công cụ phổ biến là kiểm tra thực phẩm và chứng nhận kiểm dịch thực vật. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đặc biệt được cấp cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật có thể được tái sản xuất ở châu Âu sau khi nhập khẩu, chẳng hạn như đối với thực phẩm có chứa hạt giống.

Doanh nghiệp kinh doanh hương liệu và gia vị chỉ yêu cầu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với hạt giống dùng để gieo trồng và đối với các loại hương liệu và gia vị tươi, chẳng hạn như tỏi, gừng và các loại cây hương liệu tươi.

Thứ sáu là vấn đề ghi nhãn và đóng gói. Tại EU, việc ghi nhãn các loại hương liệu và gia vị cần được chú ý cẩn thận. Tổng quan về RASFF năm 2022 có 7 vấn đề ghi nhãn, tất cả đều liên quan đến chất gây dị ứng. Trong một số trường hợp, phân khai báo về chất gây dị ứng bị thiếu. Trong các trường hợp khác, bản thân sản phẩm không được đánh dấu là chất gây dị ứng (mù tạt, cần tây). Vùng cũng được phát hiện là chất gây dị ứng không được công bố.

Thực phẩm nhập khẩu vào EU phải đáp ứng quy định về ghi nhãn thực phẩm. Nhãn bao bì số lượng lớn phải có: Tên và chủng loại sản phẩm; Mã lô hàng; Trọng lượng tịnh theo hệ mét; Thời hạn sử dụng của sản phẩm hoặc tốt nhất trước ngày và điều kiện bảo quản được khuyến nghị; Mã số lô hàng; Nước xuất xứ; và tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nhà đóng gói, nhà phân phối hoặc nhà nhập khẩu...

Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU cho rằng, để có thể mở rộng thị phần của sản phẩm gia vị và hương liệu Việt Nam tại thị trường EU, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần đặc biệt chú trọng đến các yêu cầu khắt khe của thị trường như đã kể trên. Bên cạnh đó, tăng cường quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hương liệu, gia vị của Việt Nam trên các phương tiện truyền thông; tham gia quảng bá tại các hội chợ, triển lãm chuyên ngành lớn tại EU và của nhiều nước trên thế giới.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIAO THƯƠNG

* Cần thu mua gừng

Cơ sở kinh doanh nông sản tại địa bàn phía Nam đang có nhu cầu thu mua các loại gừng trên cả nước.

+ *Yêu cầu:*

Số lượng tối thiểu 15 tấn.

Các loại Gừng Trâu, Gừng Ghé, Gừng Lai...

Xe đến tận nơi thu mua, cân hàng thanh toán tiền 100%.

Rất mong tìm được nhiều vựa gừng, vùng trồng gừng và các thương lái thu mua gừng cả nước.

+ *Thông tin liên hệ:*

Các cá nhân, tổ chức có khả năng đáp ứng, liên hệ trực tiếp theo số điện thoại 0978899822 (gặp Dân) để biết thêm thông tin thỏa thuận.

* Cần mua dầu dừa số lượng lớn

Doanh nghiệp thương mại hàng nông sản tại thành phố Hồ Chí Minh đang có nhu cầu thu mua dầu dừa với số lượng lớn.

+ *Yêu cầu:*

Dầu dừa thô

Số lượng: 200 tấn

+ *Thông tin liên hệ:*

DNTN Hàng Xanh

Địa chỉ: 173 Điện Biên Phủ - Q. Bình Thạnh - thành phố Hồ Chí Minh

Email: bachkha.hxcorp@gmail.com

Người liên hệ: Khả

ĐT: 0903049157

* Thu mua sầu riêng các loại

Công ty TNHH XNK Thế Giới Xanh là một công ty xuất khẩu nông sản hàng đầu Việt Nam, với đầu ra ổn định, thị trường rộng lớn vì vậy công ty luôn tìm kiếm các đơn vị, doanh nghiệp hoặc cá nhân có thể cung cấp các mặt hàng nông sản ổn định cho công ty.

Hiện nay công ty đang cần mua số lượng lớn mặt hàng sầu riêng tươi, sầu riêng đông lạnh nguyên trái, sầu riêng xay nhuyễn, sầu riêng tách múi, đặc biệt những cơ sở, doanh nghiệp, cá nhân nào có thể đóng gói theo yêu cầu như là túi 200gr, 500gr, 1kg, 2kg/ túi.

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH XNK Thế Giới Xanh

Địa chỉ: 37 Hồ Đắc Di, Tây Thạnh, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 0988357470

Email: corporation@greenworldvn.com

Website: www.greenworldvn.com

* Nhận cung cấp cây giống bơ 034

Trung tâm Giống cây trồng Tiên tiến chất lượng cao, có trụ sở tại Hà Nội, nhận cung cấp Cây giống bơ 034. Cam kết cây chuẩn giống F1, chất lượng cao.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Đặc điểm: cây giống và trái

- Giống bơ 034 là một giống cây ăn quả thích hợp ở vùng khí hậu nhiệt đới, đặc biệt là ở những khu vực như Bảo Lộc, Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên.

- Giống bơ này có sức sinh trưởng khỏe, cho quả sớm và đặc biệt là năng suất ổn định.

- Năng suất trung bình của cây đạt từ 170 -200 kg/cây. Giống bơ hiện đang có giá thu mua tại vườn là 100.000 đến 110.000 đồng nên việc thu được tiền tỷ mỗi năm là điều cực kỳ dễ dàng.

- Tỷ lệ thịt quả của bơ đạt 85%, thịt quả vàng, vị béo và không có xơ. Hạt quả nhỏ nên tỷ lệ thịt quả chiếm cao giúp hàm lượng chất béo trong quả đạt tối đa.

- Vỏ quả có màu xanh bóng, láng. Mỗi quả có thể đạt từ 300 – 800g. Quả có hình dáng thon dài, hấp dẫn. Vỏ quả cứng nên có thể dễ dàng bảo quản sau thu hoạch.

- Thời điểm thu hoạch của bơ vào tháng 5-8. Là một trong những giống bơ có thể cho quả quanh năm, giống bơ cho quả trái mùa nên giá của bơ cũng cao hơn hẳn những giống bơ khác.

+ *Thông tin liên hệ:*

Trung Tâm Giống Cây Trồng Tiên Tiến Chất Lượng Cao -

Công ty TNHH XNK Nông Nghiệp Tiên Tiến Toàn Cầu

ĐT/Zalo: 0916.430.455

Địa chỉ vườn ươm: Hợp Tác xã Giống cây trồng Cổ Bi, đối diện trường Mầm non Cổ Bi cũ, ngã tư chợ Vàng - đường Cổ Bi - Gia Lâm - Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: Thôn Vàng, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

Email: giongcaytrongkinhtecao@gmail.com

Website: giongcaytrongkinhtecao.com

* **Cung cấp chế phẩm sinh học EMINA cho cây trồng**

Công ty Cổ phần Emi Nhật Bản nhận cung cấp chế phẩm sinh học EMINA cho cây trồng. Chế phẩm sinh học EMINA được sản xuất tại Viện sinh học Nông nghiệp. Sản phẩm chứa những chủng vi sinh vật như vi khuẩn Lacto, vi khuẩn Bacillus.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Chế phẩm sinh học EMINA

Tăng độ phì nhiêu của đất, giữ độ ẩm cho đất

Ngăn ngừa nấm Fusarium, Phytophthora và những loại nấm gây thối rễ.

Tăng năng suất cây trồng

Tăng chất lượng cho cây trồng

Không gây ô nhiễm môi trường

Chế phẩm sinh học EMINA là sản phẩm sạch, an toàn với cây trồng, và người sử dụng.

Phù hợp với sản xuất Nông nghiệp hữu cơ, Nông nghiệp không hoá chất

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty Cổ phần Emi Nhật Bản

Địa chỉ: Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Hotline: 024 3640 8795

Website: emihatban.vn

* **Cần mua tinh bột nghệ số lượng lớn**

Hội doanh nghiệp Việt Nam tại Trung Quốc đang có nhu cầu mua tinh bột nghệ số lượng lớn.

+ *Yêu cầu:*

Hàm lượng curcumin trên 5% (Quy trình SX Sản phẩm chiết xuất với dung dịch etanol 5% + cucumin > 5%), độ ẩm dưới 10%, độ mịn 60 mắt lưới trở lên, không có vi khuẩn gây bệnh, kim loại nặng không vượt chuẩn cho phép & kiểm tra bởi SGS.

Lượng cần mua 1000-3000 tấn/năm.

Bao bì đóng 25 kg/ mỗi túi.

Cần Báo giá FOB HoChiMinh.

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Tiến sĩ Trà My, Chủ tịch Hội doanh nghiệp Việt Nam lâm thời tại Trung Quốc.

Wechat/Zalo/ Mobile: (+86) 18553526988

* **Cần mua thanh long xuất khẩu**

Doanh nghiệp thương mại hàng nông sản tại thành phố Hồ Chí Minh cần mua thanh long với số lượng lớn để phục vụ cho hoạt động xuất khẩu.

+ *Yêu cầu:*

Thanh long ruột trắng đóng thùng 9kg.

Số lượng ổn định và đều đặn.

+ *Thông tin liên hệ:*

Intersea Transport and Service Co Ltd

Địa chỉ: Số 10, đường số 16, P Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Email: sale@interseaco.com

ĐT: 0902460205

* **Nhận cung cấp bột vỏ tôm và vỏ ghẹ số lượng lớn**

Cơ sở kinh doanh nông sản tại địa bàn phía Nam nhận cung cấp bột vỏ tôm, vỏ ghẹ với số lượng lớn.

Giao hàng với số lượng tối thiểu là 10 đến 15 tấn, giá cả hợp lý, thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Bột vỏ tôm, vỏ ghẹ số lượng lớn với chỉ tiêu:

1. Bột vỏ tôm:

Đạm: 30,5%

Độ ẩm: 12,8%

Muối: 14,7 %

Tro: 46,6 %

Urê: 0,16%

Cát sạn: 2,16% TVB, mgN: 80%

Xuất xứ: Việt Nam

2. Vỏ ghẹ:

Đạm: 17,4%

Calcium: 15,5%

Organic matter: 32,6%

Độ ẩm: 12,4%

- Xuất xứ: Việt Nam

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Trần Hằng

Địa chỉ: Phạm Thế Hiển, 07, 8, Hồ Chí Minh

ĐT: 9337.392.133

Email: thuyhangtrandam@gmail.com

* **Nhận cung cấp hạt giống củ sắn**

Công ty TNHH XNK Ngọc Đình nhận cung cấp si & lẻ hạt giống củ sắn.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Hạt giống F1, chất lượng củ tròn đều, nguồn gốc hạt giống sắn Ba Tri, Bến Tre.

Công ty sẽ hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật và thu mua toàn bộ sản phẩm sau thu hoạch.

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH XNK Ngọc Đình

Địa chỉ: Hoàng Hải, Tiên Lân, Bà Điểm, thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 028.66537798

Email: ngocdinhtfoodvn@gmail.com

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CẢNH GIÁC

* Thách thức lớn đối với ngành cá tra đến từ vấn đề môi trường

Mới đây, đại diện Hiệp hội Cá tra Việt Nam đã đưa ra khuyến cáo, việc chạy theo lợi nhuận mà bỏ quên vấn đề môi trường sẽ là cản trở lớn nhất cho việc phát triển nghề nuôi và xuất khẩu cá tra trong thời gian tới.

Làm rõ hơn vấn đề này, Tiến sĩ Phạm Thị Thu Hồng - Phó Tổng Thư ký Hiệp hội Cá tra Việt Nam (VINAPA) - cho biết, cá tra là đối tượng nuôi chủ lực tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, tập trung nhiều nhất ở Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, Bến Tre, Vĩnh Long... Tổng diện tích nuôi gần 6.000ha, sản lượng thu hoạch hơn 1,5 triệu tấn, xuất khẩu đi hơn 150 thị trường, mang về kim ngạch 2,4 tỷ USD năm 2022.

Theo bà Hồng, cá tra được nuôi thâm canh trong ao đất, hoàn toàn bằng thức ăn viên công nghiệp. Tuy nhiên, vùng nuôi không tập trung mà chủ yếu là trang trại của doanh nghiệp, hộ nuôi lẻ, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi thiếu đồng bộ...

Theo các nghiên cứu, để đạt sản lượng trung bình khoảng 200 tấn cá/ha cần sử dụng lượng thức ăn tối thiểu 320 tấn và lượng chất hữu cơ thải ra môi trường khoảng 256 tấn. Với sản lượng trên 1,5 triệu tấn là thách thức lớn đối với các vùng nuôi tập trung, bởi việc xử lý chất thải từ ao nuôi hiện nay chủ yếu là thay nước, chế phẩm sinh học, hút bùn... định kỳ thường xuyên, chỉ có một số vùng nuôi áp dụng công nghệ hiện đại.

Bà Hồng cho hay, hiện cả nước có trên 100 cơ sở chế biến cá tra với tổng công suất thiết kế ước đạt 1,5 triệu tấn nguyên liệu/năm. Các cơ sở được trang bị máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại, đáp ứng tốt các yêu cầu và tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu.

Tuy nhiên, chế biến phụ phẩm ra sản phẩm cao cấp chưa nhiều, chưa tận thu nên làm tăng ô nhiễm cho nước thải chế biến. Đa phần các hệ thống xử lý nước thải áp dụng công nghệ truyền thống nên chưa đạt hiệu quả tối ưu, tăng chi phí khiến giá thành sản xuất cao...

Bà Hồng khuyến nghị, các địa phương cần xây dựng quy hoạch chi tiết, các khu vực nuôi cần phải quy hoạch đồng bộ với hệ thống cấp và thoát nước riêng biệt. Tiến tới hình thành những vùng sản xuất cá tra tập trung, nhân rộng mô hình nuôi cá tra công nghệ cao, tuần hoàn, tận dụng bùn thải thu hồi. Tăng cường kiểm soát chất lượng cá bố mẹ, con giống, thức ăn, kiểm soát bệnh cá để giảm thiểu chất thải tác động môi trường.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh đầu tư công nghiệp chế biến phụ phẩm để nâng cao giá trị chuỗi sản phẩm ngành hàng. Doanh nghiệp chế biến cần có sự chuẩn bị và thực hiện tốt nhất trách nhiệm xã hội, nhận thức trách nhiệm xã hội là yếu tố sống còn để tăng sức cạnh tranh của ngành thủy sản Việt Nam...

"Nghề nuôi cá tra thâm canh, chế biến và xuất ở Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tiềm năng để phát triển. Tuy nhiên, nếu chỉ chú trọng phát triển về diện tích và năng suất nuôi để thu lợi nhuận mà bỏ quên vấn đề ô nhiễm môi trường sẽ là cản trở lớn nhất cho việc phát triển nghề nuôi và xuất khẩu trong thời gian tới" - đại diện VINAPA khuyến cáo.

Ông Trần Đình Luân - Cục trưởng Cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - cho biết, ngành hàng cá tra đã và đang là một trong những ngành hàng thủy sản chủ lực.

Dưới góc độ của hợp tác công tư, việc khởi động các nghiên cứu về hiện trạng, phân tích đánh giá các thách thức mà ngành hàng đang gặp phải, điểm mạnh, điểm yếu khi ngành hàng cá tra định hướng theo mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ bước đầu làm cơ sở đưa ra những giải pháp công nghệ sản xuất tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải trong chuỗi, giúp ngành hàng cá tra phát triển bền vững...

Theo dự báo của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), trong kịch bản lạc quan, thị trường tiến triển thuận lợi, nông dân và doanh nghiệp có nguồn vốn tốt để duy trì sản xuất, các doanh nghiệp chế biến tiếp tục trụ vững, thì xuất khẩu cá tra cả năm nay có thể đạt 1,77 tỷ USD, giảm hơn 0,5 tỷ USD so với dự kiến ban đầu là 2,3 tỷ USD. Qua 8 tháng năm 2023, xuất khẩu cá tra Việt Nam sang các thị trường ước đạt gần 1,2 tỷ USD, giảm 34% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó riêng tháng 8/2023 đạt 170 triệu USD, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2022.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM

* Thực phẩm đường phố: Những lưu ý về an toàn sức khỏe

Việt Nam từ lâu vốn được coi là “thiên đường” ẩm thực đường phố với dịch vụ đồ ăn vô cùng đa dạng, từ thức ăn nhanh phục vụ bữa sáng, bữa phụ như bún, phở, chè, thịt nướng, thịt viên chiên, nem chua rán... cho tới các loại nước uống tự chế biến như nước ép, sữa hạt, cà phê... Có thể nói, thức ăn đường phố đã trở thành nét văn hóa ẩm thực độc đáo của người Việt. Tuy nhiên những thực phẩm này nếu không được chế biến vệ sinh dễ gây nguy cơ cơ gây ngộ độc, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người tiêu dùng.

Lợi thế lớn nhất của thực phẩm đường phố là rẻ, nhanh chóng và tiện lợi, phù hợp với đại đa số người dân Việt Nam. Tại các thành phố lớn, từ các khu chợ truyền thống, công trường học, các khu du lịch, vỉa hè, hay thậm chí sâu trong các con ngõ nhỏ, rất dễ dàng để mua được các loại đồ ăn đã được chế biến sẵn, bày bán bắt mắt với đủ loại đồ ăn nhanh.

Nói tới loại thức ăn đường phố, PGS.TS Nguyễn Thị Lâm, nguyên Phó Viện trưởng Viện Dinh dưỡng quốc gia cho biết, mỗi năm cả nước xảy ra hơn 1.000 vụ ngộ độc thực phẩm, trong đó, phần lớn là do sử dụng thực phẩm bị nhiễm vi khuẩn nguy hại như E.coli, tả, thương hàn... Các loại vi khuẩn này thường tồn tại, phát triển thành các loại bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trong môi trường thức ăn đường phố.

Thực tế cho thấy, hầu hết người tiêu dùng đều biết thức ăn đường phố có nguy cơ bị nhiễm khuẩn rất cao nhưng nhiều cửa hàng dù có vị trí rất nhếch nhác vẫn thu hút đông khách. Đằng sau nhiều loại thực phẩm được bày bán đa dạng tại vỉa hè với mùi vị thơm phức ấy là cả một “công nghệ phù phép”. Chưa kể bụi đường, các loại vi khuẩn gây bệnh cùng mùi hôi từ cống rãnh, rác thải.

Đối với những loại thực phẩm không rõ nguồn gốc, không được bảo quản, chế biến theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm sẽ dễ gây ngộ độc thực phẩm. Việc sử dụng thực phẩm không an toàn có thể gây ra các triệu chứng cấp tính như đau bụng, tiêu chảy, rối loạn tiêu hóa... Về lâu dài, việc tiêu thụ các thực phẩm không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm sẽ làm ảnh hưởng tới quá trình chuyển hóa trong cơ thể, dễ gây ra các bệnh về tim mạch, đái tháo đường, béo phì... Hơn nữa, các chất hóa học, thuốc trừ sâu, chất tăng trọng... tồn dư trong các loại thực phẩm không rõ nguồn gốc sẽ từ từ ngấm vào cơ thể, sau đó tích tụ lại gây bệnh ung thư. Mặc dù chỉ bỏ ra một số tiền ít ỏi để có một bữa ăn nhưng người tiêu dùng đang phải trả “giá đắt” vô hình liên quan tới sức khỏe.

Theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm bao gồm: sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, kinh doanh thức ăn đường phố, sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, sơ chế nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ... Đây là bất cập gây khó khăn rất lớn cho công tác quản lý, bảo đảm an toàn thực phẩm.

Để bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, bảo vệ quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng, Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế) vừa đề nghị UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương; Sở Y tế các tỉnh, thành phố; Ban Quản lý an toàn thực phẩm các tỉnh chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

Các địa phương tăng cường kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn để phát hiện bán trung thu kém chất lượng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Trong đó, tập trung ưu tiên các cơ sở sản xuất, kinh doanh bán trung thu, bánh kẹo, nước giải khát, thực phẩm truyền thống sản xuất tại các làng nghề, cơ sở nhỏ lẻ; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố...

Cục An toàn thực phẩm cũng yêu cầu các đơn vị trong quá trình kiểm tra, kịp thời truy xuất, thu hồi các sản phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và công khai tên cơ sở, địa chỉ, loại sản phẩm vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu có dấu hiệu hình sự, đề nghị chuyển cơ quan Công an để xử lý theo quy định của pháp luật.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả trong tỉnh

| TT | Tên sản phẩm | Giá cả TT Ngày 09/10/2023 | Giá cả TT Ngày 16/10/2023 | TT | Tên sản phẩm | Giá cả TT Ngày 09/10/2023 | Giá cả TT Ngày 16/10/2023 |
|----|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-----|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| I | Thực phẩm tiêu dùng | | | 9 | Dưa leo | 15.000 | 10.000 |
| 1 | Cá điêu hồng | 55.000 | 55.000 | 10 | Khoai cao | 20.000 | 20.000 |
| 2 | Cá lóc nuôi | 65.000 | 65.000 | 11 | Nấm rơm | 90.000 | 90.000 |
| 3 | Cá kèo nuôi | 190.000 | 190.000 | 12 | Bắp cải trắng | 10.000 | 10.000 |
| 4 | Cá rô phi | 45.000 | 45.000 | 13 | Đậu que | 18.000 | 14.000 |
| 5 | Cá trê nuôi | 40.000 | 40.000 | 14 | Đậu đũa | 16.000 | 12.000 |
| 6 | Cá tra (cá hú) | 65.000 | 65.000 | 15 | Cà tím | 20.000 | 18.000 |
| 7 | Cá tra thịt trắng | 55.000 | 55.000 | 16 | Bí đao | 15.000 | 14.000 |
| 8 | Lươn loại 1 | 180.000 | 180.000 | 17 | Bí rợ (bí đỏ già) | 15.000 | 15.000 |
| 9 | Ếch nuôi | 60.000 | 65.000 | 18 | Ớt | 40.000 | 45.000 |
| 10 | Tôm càng xanh | 240.000 | 240.000 | 19 | Gừng | 32.000 | 20.000 |
| 11 | Mực ống loại lớn | 190.000 | 190.000 | 20 | Đậu bắp | 18.000 | 15.000 |
| 12 | Thịt heo đùi | 110.000 | 110.000 | 21 | Khô qua | 18.000 | 15.000 |
| 13 | Thịt heo nạc | 120.000 | 125.000 | 22 | Bầu | 16.000 | 10.000 |
| 14 | Thịt heo ba rọi | 125.000 | 120.000 | 23 | Cà chua | 18.000 | 15.000 |
| 15 | Thịt bò đùi | 240.000 | 235.000 | III | Trái cây | | |
| 16 | Thịt bò phi lê (thăn) | 250.000 | 245.000 | 1 | Quýt đường | 50.000 | 50.000 |
| 17 | Vịt làm sẵn (nguyên con) | 85.000 | 85.000 | 2 | Bưởi năm roi | 45.000 | 45.000 |
| 18 | Thịt gà ta (nguyên con) | 120.000 | 120.000 | 3 | Xoài cát Hòa Lộc | 65.000 | 65.000 |
| 19 | Trứng gà ta | 4.200 | 4.000 | 4 | Xoài cát chu | 35.000 | 35.000 |
| 20 | Trứng gà công nghiệp | 2.600 | 2.700 | 5 | Táo Mỹ | 90.000 | 90.000 |
| 21 | Trứng vịt | 2.500 | 2.500 | 6 | Táo xanh | 110.000 | 110.000 |
| II | Rau củ quả | | | 7 | Dưa hấu | 12.000 | 12.000 |
| 1 | Cải xanh | 15.000 | 18.000 | 8 | Sapo | 30.000 | 30.000 |
| 2 | Cải ngọt | 16.000 | 16.000 | 9 | Cam mật | 18.000 | 18.000 |
| 3 | Cải thìa | 12.000 | 14.000 | 10 | Cam sành | 22.000 | 22.000 |
| 4 | Rau muống | 14.000 | 14.000 | 11 | Thanh Long | 35.000 | 30.000 |
| 5 | Rau mồng tơi | 14.000 | 15.000 | 12 | Chôm chôm nhãn | 30.000 | 25.000 |
| 6 | Cải xà lách | 20.000 | 16.000 | 13 | Mãng cầu xiêm | 40.000 | 40.000 |
| 7 | Hành lá | 30.000 | 25.000 | 14 | Mãng cầu ta | 55.000 | 55.000 |
| 8 | Củ kiệu | 35.000 | 30.000 | 15 | Ổi | 15.000 | 20.000 |

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long

| TT | Tên sản phẩm | Giá cả TT Ngày 09/10/2023 | Giá cả TT Ngày 16/10/2023 | TT | Tên sản phẩm | Giá cả TT Ngày 09/10/2023 | Giá cả TT Ngày 16/10/2023 |
|----------|----------------------------|---------------------------|---------------------------|------------|---------------------|---------------------------|---------------------------|
| I | Thực phẩm tiêu dùng | | | 31 | Cần tàu | 30.000 | 30.000 |
| 1 | Cải ngọt | 17.000 | 17.000 | 32 | Kiêu | 35.000 | 30.000 |
| 2 | Cải xanh | 17.000 | 17.000 | 33 | Bầu | 16.000 | 16.000 |
| 3 | Củ cải trắng | 18.000 | 18.000 | 34 | Muróp | 15.000 | 15.000 |
| 4 | Rau muống | 12.000 | 12.000 | II | Trái cây | | |
| 5 | Cải xoong | 60.000 | 40.000 | 1 | Cam sành | 35.000 | 35.000 |
| 6 | Rau dền | 15.000 | 15.000 | 2 | Cam mật | 18.000 | 18.000 |
| 7 | Mồng tơi | 15.000 | 15.000 | 3 | Quýt đường | 50.000 | 50.000 |
| 8 | Bông bí | 30.000 | 30.000 | 4 | Bưởi năm roi | 45.000 | 45.000 |
| 9 | Xà lách | 22.000 | 22.000 | 5 | Bưởi da xanh | 50.000 | 50.000 |
| 10 | Su su | 25.000 | 25.000 | 6 | Xoài cát Chu | 35.000 | 35.000 |
| 11 | Bắp non | 35.000 | 35.000 | 7 | Xoài cát Hoà Lộc | 65.000 | 65.000 |
| 12 | Cà rốt | 25.000 | 25.000 | 8 | Xoài Đài Loan | 35.000 | 35.000 |
| 13 | Khoai tây | 25.000 | 25.000 | 9 | Chôm chôm nhân | 30.000 | 30.000 |
| 14 | Củ dền | 23.000 | 23.000 | 10 | Chôm chôm Java | 20.000 | 25.000 |
| 15 | Cải thảo | 25.000 | 25.000 | 11 | Mãng cầu xiêm | 40.000 | 40.000 |
| 16 | Dưa leo | 15.000 | 15.000 | 12 | Mãng cầu ta | 55.000 | 55.000 |
| 17 | Cà tím | 15.000 | 15.000 | 13 | Dưa hấu | 12.000 | 12.000 |
| 18 | Bí đao | 20.000 | 25.000 | 14 | Thanh Long | 35.000 | 30.000 |
| 19 | Bí rợ | 25.000 | 25.000 | 15 | Sapo | 30.000 | 30.000 |
| 20 | Đậu bắp | 15.000 | 15.000 | 16 | Ổi | 15.000 | 20.000 |
| 21 | Khô qua | 17.000 | 17.000 | 17 | Táo xanh | 110.000 | 110.000 |
| 22 | Cà chua | 20.000 | 25.000 | 18 | Táo Mỹ | 90.000 | 90.000 |
| 23 | Hành lá | 35.000 | 35.000 | 19 | Táo Xanh Ninh Thuận | 30.000 | 30.000 |
| 24 | Hẹ | 30.000 | 30.000 | 20 | Nho Mỹ (nho đen) | 190.000 | 180.000 |
| 25 | Khoai cao | 30.000 | 30.000 | III | Gạo | | |
| 26 | Bắp cải trắng | 17.000 | 17.000 | 1 | Gạo thơm Jasmine | 18.500 | 18.500 |
| 27 | Đậu que | 18.000 | 22.000 | 2 | Gạo Hương Lài | 19.500 | 19.500 |
| 28 | Đậu đũa | 15.000 | 15.000 | 3 | Gạo thơm Đài Loan | 21.000 | 21.000 |
| 29 | Măng tươi | 45.000 | 45.000 | 4 | Gạo Nàng Hoa | 19.000 | 19.000 |
| 30 | Ốt | 55.000 | 55.000 | 5 | Gạo trắng thường | 16.500 | 16.500 |

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

ĐƯỜNG HOA DỪA (OCOP TIỀM NĂNG 5 SAO) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ VINH FARM

**ĐƯỜNG HOA DỪA
SOKFARM**

VI NGỌT TỬ HOA DỪA
TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE

Bổ sung năng lượng,
khoáng chất và cân
bằng điện giải
Ổn định đường huyết
Tăng sức đề kháng

**KHMER
PRODUCT**

HACCP ISO 22000
FDA OCOP

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM VĂN TÁM

Giám đốc Sở Công Thương

Ban Biên tập:

NGUYỄN THỊ MỘNG THU - Trưởng ban

VŨ HỒNG DƯƠNG - Phó Trưởng ban

PHẠM PHƯỚC TRÃI - Phó Trưởng ban

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

In: 500 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại Công ty Cổ phần VHTH Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 20/02/2023. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2023.